

7. Những đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam

- 7.1 ngôn ngữ từ thân xác
- 7.2 tính chất ẩn tượng
- 7.3 ngôn ngữ che đậy
- 7.4 coi như con người
- 7.5 tiếng lái
- 7.6 ca dao

7.1 Ngôn ngữ từ thân xác

Ngôn ngữ Việt Nam nghiêng về cụ thể hơn là trừu tượng. Thiếu chữ nghĩa cô đọng dùng cho các ý niệm trừu tượng, ngôn ngữ Việt Nam bắt đầu đi từ thế giới cụ thể của vật chất để dẫn đến thế giới trừu tượng của ý niệm. Bởi đó, một đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam là, Người Việt dùng những thành phần của thân xác, những hoạt động của thân xác, và những kinh nghiệm thân xác, qua sự liên tưởng, dẫn đến những ý niệm trừu tượng, như tư tưởng, tình cảm, và cả thế giới bên ngoài nữa.

Đó là *ngôn ngữ từ thân xác*.

Ngôn ngữ từ thân xác dẫn đến những ý niệm trừu tượng, bắt nguồn như sau.

- Những thành phần của thân xác:
thân, tóc, đầu, gót, tay, lưng, chân, mặt, lòng, bụng, dạ, ruột, gan, máu . . .
- Những hoạt động của thân xác:
ăn, nghiền răng, cắn răng, cắn, đập, đá, đội, đè, ngậm, nuốt, ngã, lăn, nâng, bợ, bước, gánh, chạy . . .
- Những kinh nghiệm thân xác:

nhận bằng mắt	<i>sáng, tối, thấy, mù, già, trần, truồng . . .</i>
nhận bằng lưỡi	<i>ngọt, bùi, mặn, chua, cay . . .</i>
nhận bằng mũi	<i>thơm, hôi, tanh . . .</i>
nhận bằng da thịt	<i>nóng, lạnh, ẩm . . .</i>
nhận bằng tai	<i>nghe, nhức, điếc, êm . . .</i>

Ngôn ngữ từ thân xác diễn tả thế giới bên ngoài:

chân mây, chân trời, chân núi, mặt trời, mặt đất, mặt trăng, mặt nước, mặt hồ, lòng sông, rón bể, da trời, đầu cành, đầu ngõ, vách tường . . .

t h â n

thân thể. được dùng để chỉ người, hoàn cảnh, số phận, mạng sống . . .

- 7101 *Ví dù giải kết đến điều*
*Thì đem vàng đá mà liêu với **thân**.*
Nguyễn Du
- 7102 *Vội chi liễu ép hoa nài*
*Còn **thân** ắt lại đền bồi có khi.*
Nguyễn Du
- 7103 *Đau lòng tử biệt sinh ly*
***Thân** còn chẳng tiếc tiếc gùi đến duyên.*
Nguyễn Du
- 7104 *Búa rìu bao quản **thân** tàn*
Nỡ dầy đọa trẻ càng oan khốc già.
Nguyễn Du

- 7105 *Thà rằng liều một **thân** con*
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.
 Nguyễn Du
- 7106 *Biết **thân** đến bước lạc loài*
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
 Nguyễn Du

t ó c

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ *cái nhỏ nhưt, chi tiết, tỷ mỉ, cặn kẽ.*

- 7107 *Chuyện trò chuta cặn **tóc** tơ*
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
 Nguyễn Du
- 7108 ***Tóc** tơ căn dặn tác lòng*
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
 Nguyễn Du
- 7109 *Rành rành kẻ **tóc** chân tơ*
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
 Nguyễn Du
kẻ tóc chân tơ = từng chi tiết nhỏ nhặt.

g a n g / g a n g t a y

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ *khoảng cách hay thời gian rất ngắn.*

- 7110 *Ngày vui ngắn chẳng đầy **gang***
Trông ra ác đã ngậm sương non đoài.
 Nguyễn Du
- 7111 *Ước gì gân gũi tác **gang***
Giải niêm cay đắng để chàng tỏ hay.
 Đoàn Thị Điểm
- 7112 *Đời người chỉ một **gang tay***
Ai hay ngủ ngày còn độ nửa gang.
 Ca dao

đ đầu

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ phần trên/ phần ngọn của một vật dài, hay cái quan trọng nhất/ có trước nhất.

- 7113 *Sông Tương một dải nông sờ
Bên trông **đầu** nọ bên chờ cuối kia.
Nguyễn Du*
- 7114 *Nhặt thưa gương dọi **đầu** cảnh
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu.
Nguyễn Du*
- 7115 *Buồn trông phong cảnh quê người
Đầu cảnh quỳên nhật cuối trời nhận thưa.
Nguyễn Du*
- 7116 *Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông.
Nguyễn Du*
- 7117 ***Đầu** lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Nguyễn Du*

gót đầu

hai hành phần của thân xác, được dùng để chỉ trước sau, từ đầu đến cuối.

- 7118 ***Gót đầu** mọi nổi linh đình
Nổi nhà tang tóc nổi mình xót xa.
Nguyễn Du*
- 7119 *Lặng nghe ngẫm nghĩ **gót đầu**
Than rằng: Ai có muốn đầu thế này.
Nguyễn Du*
- 7120 *Nghĩ rằng khôn nổi giầu Mầu
Sự mình nàng đã **gót đầu** bày ngay.
Nguyễn Du*
- 7121 ***Gót đầu** vâng dạy mấy lời
Đường chau nét nguyệt đường phai vẻ hồng.
Nguyễn Du*

t a y

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ người, thủ đoạn, sự khéo léo.

- 7122 *Phẩm tiên rơi đến tay hèn*
Hoài công nắng giữ mựa gìn với ai.
 Nguyễn Du
- 7123 *Đào tiên đã bén tay phàm*
Thì vin cành quít cho cam sự đời.
 Nguyễn Du
- 7124 *Cũng nhà hành viện xưa nay*
Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người.
 Nguyễn Du
- 7125 *Đàn bà dễ có mấy tay*
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan.
 Nguyễn Du
- 7126 *Đánh liều nhấn một hai lời*
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.
 Nguyễn Du

g i à

kinh nghiệm thân xác, được dùng để chỉ nhiều kinh nghiệm, từng trải, trộm hơn.

- 7127 *Xem gương trong bấy nhiêu ngày*
Thân con chẳng khéo mắc tay bọm già.
 Nguyễn Du
bọm già = kẻ lường gạt có nhiều kinh nghiệm.
- 7128 *Ở ăn thì nét cũng hay*
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.
 Nguyễn Du
- 7129 *Khen cho con mắt tinh đời*
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già.
 Nguyễn Du
- 7130 *Chuông già đồng điệu chuông kêu*
Anh già lời nói em xiêu tấm lòng.
 Ca dao

m ắ t

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ người, nhân cách, hoặc để chỉ ngoại giới: vật gù bằng phẳng.

- 7131 *Dưới trần mấy **mặt** làng chơi*
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
 Nguyễn Du
- 7132 *Mượn người thuê kiệu rước nàng*
Bạc đem **mặt** bạc kiếm đường cho xa.*
 Nguyễn Du
 * Bạc Hạnh, cháu của Bạc Bà, một nhân vật trong Truyện Kiều.
- 7133 *Làm cho rõ **mặt** phi thường*
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
 Nguyễn Du
- 7134 *Dàn bà dễ có mấy tay*
*Đời xưa mấy **mặt** đời này mấy gan.*
 Nguyễn Du
- 7135 *Giết chồng mà lại lấy chồng*
***Mặt** nào còn đứng ở trong cõi đời.*
 Nguyễn Du
- 7136 *Buồn trông nội cỏ rầu rầu*
*Chân mây **mặt** đất một màu xanh xanh.*
 Nguyễn Du
- 7137 *Buồn trông gió cuốn **mặt** duênh*
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
 Nguyễn Du
- 7138 *Nghĩ mình **mặt** nước cánh bèo*
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
 Nguyễn Du
- 7139 *Xập xè én liêng lâu không*
*Cỏ lan **mặt** đất rêu phong dấu giày.*
 Nguyễn Du

L ò n g, d ạ, b ụ n g

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ nơi chứa tình cảm, cảm giác, tri giác, và sự hiểu biết.

Tây Phương cho rằng tình cảm của con người nằm trong **trái tim**, như Pascal nói,
Le cœur a des raisons que la raison ne connaît pas.
 (Trái tim có những lý lẽ mà lý trí không hiểu được.)

Người Việt nói, tình cảm của con người nằm ở trong **lòng/ bụng/ dạ**: tốt **bụng**, vui **lòng**, hã **dạ**.

Tây Phương cho rằng tri giác hay sự hiểu biết nằm trong **khối óc**; Người Việt nói, chúng cũng nằm trong **lòng/ bụng/ dạ**: thuộc **lòng**, chữ nghĩa đầy **bụng**, tối **dạ**.

Trước khi chịu ảnh hưởng của Tây Phương, ngôn ngữ từ thân xác của Việt Nam không có chữ **tim** và **óc**.

- 7140 *Bầy con đũa dất đũa bông
 Mà em vẫn học vỡ lòng như ai.*
 Ca dao
- 7141 *Trải qua một cuộc bể dâu
 Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*
 Nguyễn Du
- 7142 *Đã lòng hiển hiện cho xem
 Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời.*
 Nguyễn Du
- 7143 *Lòng thơ lai láng bồi hồi
 Góc cây lại vạch một bài cổ thi.*
 Nguyễn Du
- 7144 *May thay giải cấu tương phùng
 Gặp tuần đố lá thỏa lòng tìm hoa.*
 Nguyễn Du
- 7145 *Ngón ngang trăm mối bên lòng
 Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.*
 Nguyễn Du
- 7146 *Chàng Kim từ lại thư song
 Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuấy.*
 Nguyễn Du

- 7147 **Lòng** xuân lơ đãng má xuân hồng
 Cô gái xuân mơ chuyện vợ chồng.
 Nguyễn Bính
- 7148 Sinh đà có ý đợi chờ
 Cách tường lên tiếng xa đưa ước **lòng**.
 Nguyễn Du
- 7149 Được lời như cởi tấm **lòng**
 Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.
 Nguyễn Du
- 7150 **Rằng**: Tôi chút **dạ** đàn bà
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
 Nguyễn Du
- 7151 Giận ru ra **dạ** thể thường
 Cười ru mới thực khôn lường hiểm sâu.
 Nguyễn Du
- 7152 Từ phen đá biết tuổi vàng
 Tình càng thấm thía **dạ** càng ngẩn ngơ.
 Nguyễn Du
- 7153 Chạm xương chếp **dạ** xiết chi
 Dễ đem gan góc đến nghì trời mây.
 Nguyễn Du
- 7154 Mấy lời ký chú đình ninh
 Ghi lòng tạc **dạ** cất mình ra đi.
 Nguyễn Du
- 7155 Thiếp dù vụng chắng hay suy
 Đã dơ **bụng** nghĩ lại bia miệng cười.
 Nguyễn Du
- 7156 Có dăm ba chữ đồn trong **bụng**
 Khéo khéo không mà nó lại rơi.
 Tú Xương
- 7157 Tiễn chân cô mát hai đồng chẵn
 Sờ **bụng** thấy không một chữ gù.
 Tú Xương

r u ô t

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ nơi chứa tình cảm; có ý nghĩa gần với lòng, bụng, dạ.

- 7158 *Tai nghe **ruột** rối bời bời
Ngập ngừng nàng mới giải lời trước sau.
Nguyễn Du*
- 7159 *Thương tình con trẻ cha già
Nhìn nàng ông những máu sa **ruột** rầu.
Nguyễn Du*
- 7160 *Hỡi ôi nói hết sự duyên
Tơ tình đứt **ruột** lửa phiền cháy da.
Nguyễn Du*
- 7161 *Sinh càng nát **ruột** tan hồn
Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay.
Nguyễn Du*
- 7162 *Sinh càng trông thấy càng thương
Gan càng tức tối **ruột** càng xót xa.
Nguyễn Du*

g a n

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ sự dũng cảm, sự bền vững tính tình.

- 7163 *Sợ **gan** nát ngọc liềm hoa
Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay.
Nguyễn Du*
- 7164 *Sốt **gan** riêng giận trời già
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng.
Nguyễn Du*
- 7165 *Đàn bà dễ có mấy tay
Đời xưa mấy mặt đời này mấy **gan**.
Nguyễn Du*
- 7166 *Tử sinh liềm giữa trận tiền
Dạn dày cho biết **gan** liềm tướng quân
Nguyễn Du*

m á u

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ *tính khí, tâm tính, hoặc sự sống.*

- 7167 *Mụ càng tô lục chuốt hồng*
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê.
Nguyễn Du
- 7168 *Thực tang bắt được đường này*
Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng răng.
Nguyễn Du
- 7169 *buổi chiều mưa đùng tim*
*mưa đùng **máu***
Phạm Công Thiệu

m ặ n, n ồ n g, m ặ n m à, m ặ n n ồ n g

kinh nghiệm thân xác, được dùng để diễn tả *tình cảm đậm đà, nồng nhiệt, hoặc tính chất đậm đà, nói chung.*

- 7170 *Phong sương được vẽ thiên nhiên*
Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.
Nguyễn Du
- 7171 *Trương tô giáp mặt hoa đào*
*Vẽ nào chẳng **mặn** nét nào chẳng ưa.*
Nguyễn Du
- 7172 *Lời tan hợp nổi hàn huyền*
*Chữ tình càng **mặn** chữ duyên càng nồng.*
Nguyễn Du
- 7173 *Kiều càng sắc sảo **mặn mà***
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Nguyễn Du
- 7174 *Vui là vui gương kéo là*
*Ai tri âm đó **mặn mà** với ai?*
Nguyễn Du
- 7175 **Mặn nồng** một vẽ một ưa
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dìu.
Nguyễn Du

l a t

kinh nghiệm thân xác, được dùng để diễn tả *tình cảm không đậm đà*, hoặc *những gì đã phai mờ*.

- 7176 *Bóng tàu vữa **lạt** về ngân*
Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.
 Nguyễn Du
- 7177 *Rồi ra **lạt** phấn phai hương*
Lòng kia giữ được bình thường mãi chẳng?
 Nguyễn Du
- 7178 *Tin nhà ngày một vắng tin*
*Mặn tình cát lữ **lạt** tình tào khang.*
 Nguyễn Du
- 7179 *Thấy nàng **lạt** phấn phai son*
Mừng thầm được món bán buôn có lời.
 Nguyễn Du
- 7180 *Nghĩ người thôi lại nghĩ mình*
*Cám lòng chua xót **lạt** tình bơ vơ.*
 Nguyễn Du

t h o m , h ô i t a n h

thơ m = kinh nghiệm thân xác, dùng để chỉ *tiếng hay, tiếng tốt, những gì cao quý*;

hôi tanh = kinh nghiệm thân xác, dùng để chỉ *vật bẩn thỉu, những gì xấu xa, nhơ nhớp*.

- 7181 *Cảo **thơ m** lân giở trước đèn*
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.
 Nguyễn Khuyến
- 7182 *Tuồng chi là giống **hôi tanh***
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
 Nguyễn Du
- 7183 *Chị dù thịt nát xương mòn*
*Ngậm cười chín tuổi hãy còn **thơ m** lây.*
 Nguyễn Du

x ó t

kinh nghiệm thân xác, dùng dùng để *sự đau đớn, thương hại.*

- 7184 *Nặng lòng **xót** liễu vì hoa
Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thua.*
Nguyễn Du
- 7185 *Quần bao tháng đợi năm chờ
Nghĩ người ăn gió nằm sương **xót** thâm.*
Nguyễn Du
- 7186 *Ngày xuân em hãy còn dài
Xót tình máu mủ thay lời nước non.*
Nguyễn Du

ngọt, ngọt bùi, ngọt ngào

kinh nghiệm thân xác, dùng dùng để *chỉ sự dịu dàng, cảm giác êm ái dễ chịu.*

- 7187 *Bóng dâu đã xế ngang đầu
Biết đâu ấm lạnh biết đâu **ngọt bùi.***
Nguyễn Du
- 7188 *Cười cười nói nói **ngọt ngào**
Hỏi: Chàng mới ở chốn nào lại chơi?*
Nguyễn Du
- 7189 *Nàng thì thật dạ tin người
Lẽ nhiều nói **ngọt** nghe lời dễ xiêu.*
Nguyễn Du

nghiến răng, cắn răng, rí răng

nghiến răng = hoạt động của thân xác, dùng để *chỉ sự giận dữ, cương quyết, dứt khoát;*
cắn răng = hoạt động của thân xác, dùng để *chỉ sự cam tâm, đành lòng, bất đắc dĩ;*
rí răng = hoạt động của thân xác, dùng để *chỉ sự nói nhỏ, không để người khác nghe.*

- 7190 *Thực tang bắt được đường này
Máu ghen ai cũng chau mày **nghiến răng.***
Nguyễn Du

- 7191 *Tông đường chút chứa cam lòng*
Cẩn rằng bề một chữ đồng làm đôi.
 Nguyễn Du
- 7192 *Tình riêng chưa dám **rỉ rằng***
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua.
 Nguyễn Du

đ ắ n g, c a y

kinh nghiệm thân xác, dùng để chỉ tình huống éo le khó xử, nỗi đau khổ.

- 7193 *Rằng: Hay thì thật là hay*
*Nghe ra ngậm **đắng** nuốt **cay** thế nào!*
 Nguyễn Du
- 7194 *Nàng rằng: Chút phận hoa rơi*
*Nửa đời nếm trái mọi điều **đắng cay**.*
 Nguyễn Du
- 7195 *Sinh rằng gan héo ruột đầy*
*Nỗi lòng càng nghĩ càng **cay đắng** lòng.*
 Nguyễn Du
- 7196 *Một mình **cay đắng** trăm đường*
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi.
 Nguyễn Du

ă n

hoạt động của thân xác, được dùng theo nghĩa rộng, để chỉ *ưu thế, thắng, sự lấn vượt, sự chối bỏ, cách xử sự (ăn nói), sự sinh sống.*

- 7197 *Cung thương lâu bậc ngũ âm*
*Nghề riêng **ăn** đứt hồ cầm một chương.*
 Nguyễn Du
- 7198 *Đem người đẩy xuống giếng khơi*
*Nói rồi rồi lại **ăn** lời được ngay.*
 Nguyễn Du
- 7199 *Bảo rằng đi đạo lấy người*
*Đem về rước khách kiếm lời mà **ăn**.*
 Nguyễn Du

- 71.100 *Bây giờ đất thấp trời cao*
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ.
 Nguyễn Du
- 71.101 *Giận chồng xé váy ăn ai?*
Giận chồng xé váy đến mai ở trường.
 Ca dao
- 71.102 *Chuông khánh còn chẳng ăn ai*
Lọ là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre.
 Ca dao

b ư ớ c

hoạt động của thân xác, được dùng để chỉ tình huống, cảnh ngộ . . .

- 71.103 *Biết thân đến bước lạc loài*
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
 Nguyễn Du
- 71.104 *Kim từ nhẹ bước thanh vân*
Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
 Nguyễn Du
- 71.105 *Nàng rằng: Phải bước lưu ly*
Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tình.
 Nguyễn Du

d a

thành phần của thân xác, được dùng rộng rãi để chỉ lớp bên ngoài.

- 71.106 *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt*
Mắt lão không viền cũng đỏ hoe.
 Nguyễn Khuyến
- 71.107 *Rút trăm sắn dặt mái đầu*
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần
 Nguyễn Du

g á n h, g á n h v á c

hoạt động của thân xác, được dùng để chỉ *trách nhiệm*, và cùng nghĩa với *mang*.

- 71.108 *Còng lưng gánh nót đời lưu lạc*
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.
 Cao Tần
- 71.109 *Duyên kia có phụ chi tình*
Mà toan chia gánh chung tình làm hai?
 Nguyễn Du
- 71.110 *Cổi xuân tuổi hạc càng cao*
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
 Nguyễn Du

t h á y, n g h e

kinh nghiệm thân xác, được dùng để chỉ nghĩa rộng là *cảm nhận, biết, hiểu biết, vâng lời*.

- 71.111 *Đến nhà vừa thấy tin nhà*
Hai thân còn dở tiệc hoa chuta về.
 Nguyễn Du
- 71.112 *Thấy lời đoan chính dễ nghe*
Chàng càng thêm nể thêm vì mưới phân.
 Nguyễn Du
- 71.113 *Từ nghe vườn mới thêm hoa*
Miệng người đã lẩm tin nhà thì không.
 Nguyễn Du
- 71.114 *Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều*
Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
 Nguyễn Du

l ò a

kinh nghiệm thân xác, được dùng để chỉ *sự che đậy, bưng bít, che khuất*.

- 71.115 *Một nhà hoảng hốt ngẩn ngờ*
Tiếng oan dậy đất án ngờ lò a mây.
 Nguyễn Du

71.116 *Dễ lò* yếm thắm trôn kim
 Làm chi bụng bít bắt chim khó lòng.
 Nguyễn Du

71.117 *Trên mui lướt lướt áo là*
Tuy dầm hơi nước chuta lò bóng gương.
 Nguyễn Du

m ù

kinh nghiệm thân xác, được dùng để chỉ sự thiếu hiểu biết.

71.118 *Lấy chồng biết chữ là tiên*
Lấy chồng mù chữ là duyên nợ nần.
 Ca dao

c h â n

thành phần của thân xác, được dùng để chỉ phần dưới, phần cuối, phần gốc, một chỗ rất xa xôi.

71.119 *Cỏ non xanh tận chân* trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
 Nguyễn Du

71.120 *Giàn vàng giữ ngọc cho hay*
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.
 Đoàn Thị Điểm

71.121 *Buồn trông nội cỏ rầu rầu*
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Nguyễn Du

71.122 *Rành rành kẻ tóc chân* tơ
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
 Nguyễn Du

71.123 *Chân* trời mặt bể lênh đênh
Nắm xương biết gởi tử sinh chốn nào?
 Nguyễn Du

71.124 *Ngọn bèo chân* sóng lạc loài
Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
 Nguyễn Du

chạy

kinh nghiệm thân xác, dùng để chỉ lo, lo lót, thoát khỏi, tránh trách nhiệm.

71.125 *Biết thân **chạy** chẳng khỏi trời
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.*
Nguyễn Du

71.126 *Liệu mà xa **chạy** cao bay
Ái ân ta có ngần này mà thôi.*
Nguyễn Du

71.127 ***Chạy** thầy **chạy** chức **chạy** quan
Đâu đó đàng hoàng thì hốt tiền vô.*
Ca dao

lưng

thành phần của thân xác, dùng để chỉ nửa chừng, gánh vác, chỗ dựa, nơi nương tựa.

71.128 *Điều đâu sét đánh **lưng** trời
Thoắt nghe chàng thoát rưng rời xiết bao.*
Nguyễn Du

71.129 *Đề huề **lưng** túi gió trăng
Sau lưng theo một vài thằng con con.*
Nguyễn Du

71.130 *Chung **lưng** mở một ngôi hàng
Quanh năm buôn phấn bán hương đã lẻ.*
Nguyễn Du

71.131 *Nửa khi muôn một thế nào
Bán hùm buôn sói chắc vào **lưng** đâu?*
Nguyễn Du

ngã, nâng

ngã, nâng = hoạt động của thân xác, dùng để chỉ sự đùm bọc lẫn nhau;

nâng = hoạt động của thân xác, dùng để chỉ hành động nịnh bợ.

71.132 *Chị **ngã** em **nâng**.*
Thành ngữ

71.133 ***nâng** bi*
nâng bi = nịnh bợ.

đ ô l, đ ạ p

hoạt động của thân xác, dùng để chỉ kẻ trọng người khinh, hay hành động run sợ trước người “trên,” và hống hách đối với người “dưới.”

71.134 Trên **đội** dưới **đạp**.
Thành ngữ

đ á n h

hành động của thân xác, dùng theo nghĩa rộng, để chỉ những hành vi, hay nói chung, là làm một việc gì, hay xảy ra một việc gì.

71.135 Điều đầu sét **đánh** ngang trời
Thoát nghe chàng bỗng rụng rời xiết bao!
Nguyễn Du

71.136 Sượng sùng **đánh** dạn ra chào
Lạ thôi nàng mới rỉ trao ân cần.
Nguyễn Du

71.137 Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng **đánh** ghen.
Nguyễn Du

71.138 Bốn cột khen ai khéo khéo trồng
Người thì lên **đánh** kẻ ngồi trông.
Hồ Xuân Hương
đánh = đánh đu.

71.139 **Đánh** liều nhấn một hai lời
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.
Nguyễn Du

71.140 Hỏi thăm di trú nơi nao
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.
Nguyễn Du

71.141 Mập mờ **đánh** lặn con đen
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi.
Nguyễn Du

Thêm vài ví dụ về chữ **đánh**, có nghĩa là *làm một việc gì*:

đánh vắn = rập vắn; **đánh** chén = nhậu nhẹt; **đánh** đổi = trao đổi; **đánh** bạn = làm bạn; **đánh** giá = sắp hạng; **đánh** mất = làm mất; **đánh** rút = cho rút/ hỏng; **đánh** cờ = chơi cờ; **đánh** đĩ = làm một việc giống như đĩ; **đánh** bạc = chơi bài; **đánh** đàn = chơi đàn; **đánh** cá = bắt cá [độ]; **đánh** phán = dôi phán; **đánh** giày = chùi giày; **đánh** bóng = làm cho bóng; **đánh** quần vợt = chơi quần vợt; **đánh** rắm = địt; **đánh** roi đi quyền = múa võ; "**đánh** động lương tâm" = khơi dậy lương tâm; "**đánh** bùn sang ao" = làm việc vô nghĩa . . .

▲ Ngôn ngữ từ thân xác có khá nhiều. Thêm vài ví dụ.

trần, trần truồng

kinh nghiệm thân xác, chỉ sự hoàn toàn không che đậy, nhìn vào sự thật:
Lột trần Việt ngữ. Bình Nguyên Lộc;
chữ nghĩa trần truồng.

ghẻ

kinh nghiệm thân xác, chỉ cái gì dơ bẩn, hời hợt bên ngoài:
cha ghẻ, mẹ ghẻ . . .

hoạn (thiến)

kinh nghiệm thân xác, chỉ sự đau đớn (ngày xưa không có thuốc gây tê):
đau như hoạn.
Chữ hoạn mở rộng ra hai nghĩa, *đau đớn thể xác* và *đau đớn tinh thần*.

Tiếng Việt đủ giàu chữ nghĩa dùng để gọi tên những gì cụ thể thuộc về thế giới của vật chất, nhưng nghèo về chữ nghĩa dùng để gọi tên những gì trừu tượng thuộc về thế giới của ý niệm. Để bù đắp thiếu sót này, Người Việt đã dùng cái cụ thể gần gũi với con người, là *thân xác*, để dẫn đến những ý niệm trừu tượng. Từ đó, dân gian có thể liên tưởng đến các ý niệm trừu tượng một cách dễ dàng.

7.2 Tính chất ẩn tượng

Có thể nói, dân tộc Việt Nam tìm lối thoát cho sự nghèo nàn về chữ nghĩa dùng cho các ý niệm trừu tượng, bằng hai cách:

- (1) *ngôn ngữ từ thân xác, và*
- (2) *ngôn ngữ ẩn tượng.*

Trong ca dao và thơ Việt Nam, người ta thấy rõ tính chất ẩn tượng, như một đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam.

Ẩn Tượng ngược lại với Tả Chân. Tả Chân đưa tác dụng nghệ thuật vào cảm thức của người đọc bằng cách mô tả con người, hay thiên nhiên, hay những sự việc và sự kiện, một cách đúng thật như chúng đang hiện hữu, với đầy đủ chi tiết cần thiết. Ẩn Tượng vượt khỏi sự thật cụ thể, để đi vào ý niệm, chỉ bằng một vài nét chấm phá sống động, chọn lọc và độc đáo, để dẫn người ta đến ý nghĩ hay xúc cảm mạnh và nhanh.

Khác biệt giữa Ẩn Tượng và Tả Chân là:

- *Tả Chân dựa vào sự thật và trung thực; Ẩn Tượng vượt khỏi sự thật;*
- *Để tạo tác dụng nghệ thuật, Tả Chân đi con đường dài và chậm, trong khi đó, Ẩn Tượng đi con đường ngắn và nhanh.*

Tả Chân điu cảm thức của con người đi từ thực tại đến cảm xúc và ý niệm; Ẩn Tượng, với ngôn ngữ cô đọng của nó, đưa thẳng cảm xúc và ý niệm vào cảm thức của con người. Một cách tổng quát, ngôn ngữ tả chân phải đi vòng qua khối óc để đến trái tim; ngôn ngữ ẩn tượng đi thẳng vào trái tim. Nghĩa là, ngôn ngữ tả chân bắt con người phải nghĩ ngợi trước khi cảm nhận; ngôn ngữ ẩn tượng gây xúc động tức thì.

Bởi đó, người ta thường thấy Ẩn Tượng có mặt trong các hình thức nghệ thuật cô đọng và mỏng lung, như thơ, hội họa, điêu khắc, hay âm nhạc, và Tả Chân trong truyện, truyện ngắn hay truyện dài. Ngược lại, Tả Chân ở trong thơ thì thơ không còn là thơ nữa; Ẩn Tượng ở trong truyện thì có thể làm cho truyện đầy vẻ giả tạo.

Từ rất lâu, và cho đến hôm nay, và không biết cho đến bao giờ, tính chất ẩn tượng đã, đang, và sẽ còn bàng bạc trong ca dao và thơ Việt Nam, bởi đó là một đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam. Đặc điểm này có thể bù đắp cho sự nghèo nàn chữ nghĩa cô đọng dùng cho các ý niệm trừu tượng. Dưới ngòi bút của các nhà thơ tài hoa của Việt Nam, bác học hay dân gian, ngôn ngữ ẩn tượng dẫn đến tính chất nên thơ, trữ tình, và lãng mạn cho thi ca Việt Nam.

- 7201 *Với thứ linh hồn quốc cảm*
Tôi tù tội chung thân
- Giữa bốn tường không khí.*
Tô Thùy Yên
- 7202 *Cho anh khóc bằng mắt em*
Những cuộc tình duyên Budapest.
Thanh Tâm Tuyền
- Trích từ một bài thơ được nhà thơ viết trong những năm 1960, lúc Nga đàn áp cuộc nổi dậy của Hung Gia Lợi tại thủ đô Budapest.
Em khóc là tôi khóc. Hỡi cô gái Hung Gia Lợi mà người tình đã ngã xuống dưới họng súng của xe tăng Nga, trên đôi mắt em, là những giọt nước mắt của tôi . . .
- 7203 *Nhut cướp vồ, cùm kẹp, máu ho lao . . .*
Nguyễn Chí Thiện
- Nhà thơ nhìn Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- 7204 *Giọt nước mắt rơi hoài không tới đất . . .*
Triệu Công Tinh Trung
- Nhà thơ nhìn nỗi đau khổ của dân tộc Việt Nam trong cuộc nội chiến do Cộng Sản Hà Nội mở ra để thống trị Miền Nam. Cái nhìn này vẫn đúng, sau khi tập đoàn cộng sản thống trị toàn thể Việt Nam, từ sau năm 1975 cho đến ngày nay.
- 7205 *thà như giọt mưa*
vỡ trên tượng đá.
Nguyễn Tất Nhiên
- mưa* là nỗi buồn, là kỷ niệm; *tượng đá*, tiếng nói của quá khứ hay lịch sử, cũng là kỷ niệm, cũng là nỗi buồn im lìm bất động . . .
Nỗi buồn và kỷ niệm chồng lên nỗi buồn và kỷ niệm.
- 7206 *Anh lên lon giữa hai hàng hoa nến . . .*
Thơ dân gian – Nghĩa trang quân đội Miền Nam, tại Biên Hòa.
Người lính thường được lên cấp sau khi nằm xuống.
- 7207 *Anh đứng ngàn năm thao diễn nghi*
Em nằm tóc xỏa đợi chờ anh.
Thơ dân gian – Trường Hải Quân Nha Trang, Quân Đội Miền Nam.
- 7208 *Vì sống gần người thì ta mất tất*
Vì sống gần người, ta thành súc vật!
Nguyễn Chí Thiện
- Nhà thơ nói với người cộng sản Việt Nam.

- 7209 *Đưa người, ta không đưa sang sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*
Thâm Tâm
- 7210 *nhìn sông seine tôi thấy cừ long*
Phạm Công Thiện
- 7211 *Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sữa
Ta ngắt đi trong khoái lạc của hồn đau.*
Hàn Mặc Tử
- 7212 *buổi chiều mưa đung tim
mưa đung máu*
Phạm Công Thiện
- 7213 *Vàng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.*
Nguyễn Du
- 7214 *Râu hùm hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.*
Nguyễn Du
Ngôn ngữ ẩn tượng: nhà thơ muốn tả Từ Hải như một người cao lớn và vạm vỡ.
Không phải tả chân: tỷ lệ 1/20 (năm tấc/ mười thước) vượt qua sự thật.
- 7215 *Sâu ôm nặng hã chông làm gối
Muộn chất đầy hã thổi làm cơm.*
Đoàn Thị Điểm
- 7216 *Đố ai quét sạch lá rừng
Để tôi khuyen gió gió đừng rung cây.*
Ca dao
- 7217 *Cổ tay em trắng lại tròn
Để cho ai gối đã mòn một bên.*
Ca dao
- 7218 *ba năm vượt sơi tình dài
ừ, tôi còn vụng ngón tay dậu thì*
Nguyễn Tất Nhiên

- 7219 *vai nghiêng nghiêng suối tơ huyền
đôi gò đào nở trên miền tuyết thơm*
Phạm Thiên Thư
- 7220 *ta về rũ áo mây trôi
gối trắng đánh giấc bên đồi dạ lan*
Phạm Thiên Thư
- 7221 *Ta sống trong vũng lầy . . .*
Lê Uyên Phương
- 7222 *tôi gọi hương và tôi chết giấc . . .*
Phạm Công Thiện
- 7223 *Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa chân tay
Đừng rửa chân mà chết cá ao anh.*
Ca dao
Ngôn ngữ ẩn tượng, không phải tả chân.
- thực tế không có đám mây như mô tả ở hai câu đầu; chẳng qua chỉ để ẩn vân, giữa chữ *xanh* và chữ *quanh*;
- *xây dọc rồi lại xây ngang*, nghĩa là thẳng góc, đáng lý phải ra hình chữ nhật hay hình vuông; ngôn ngữ ẩn tượng bất chấp tính chất trung thực;
- *Đừng rửa chân mà chết cá ao anh*, một cách nói ẩn tượng, thay cho lời khen về sắc đẹp của người con gái;
- ở trên nói *hồ*, ở dưới gọi *ao*, chẳng qua chỉ để làm cho câu thơ êm tai, vì ngôn ngữ ẩn tượng bất chấp tính chất trung thực.
- 7224 *Thương nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi – Qua cầu gió bay!*
Ca dao
- 7225 *em chưa đáí mà hồn anh đã ướm . . .*
Nguyễn Đức Sơn
- 7226 *Mắt em là một dòng sông
Thuyền ta bơi lội trong dòng mắt em.*
Lưu Trọng Lư

- 7227 *Nghìn thu hội lại một chiều
Buồn hơn nhớ, nhẹ hơn điều trông mong.
Hồ Dzếnh*
- 7228 *Chiều nay . . . thương nhớ nhất chiều nay
Thoáng bóng em trong cốc rượu đầy
Tôi uống cả em và uống cả
Một trời quan tái, mấy cho say!
Nguyễn Bính*
- 7229 *Chắc hẳn đêm nay giường cử lạnh
Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em.
Nguyễn Bính*
- 7230 *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống, lệ ngàn hàng.
Xuân Diệu*
- 7231 *Chị ơi, em cười mùa xuân nhé
Đốt pháo cho thơm với rượu hồng.
Nguyễn Bính*
- 7232 *Anh chưa nắm tay em mà muốn chết
Trong khu rừng huyền hoặc của chiêm bao
Ôi! Hạnh phúc mong manh như sắp hết
Giữa đêm nào trăng tỏ quá xôn xao.
Nguyễn Đức Sơn*
- 7233 *Anh quỳ xuống dưới vòm trời khao khát
Dù thật lòng em chưa muốn cho xem
Đời anh đó, đâu lớn bằng hạt cát
Đã vô tình vương ở gót chân em.
Nguyễn Đức Sơn*
- 7234 *Gối chần gối chiếu không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.
Ca dao*
- 7235 *Xa nhìn bên cỏi trời mây
Chị ơi, em thấy một cây liễu buồn.
Thanh Tịnh*

7.3 Ngôn ngữ che đậy

1 Trong phái tính và tính dục

Như mọi dân tộc trên Trái Đất, Người Việt biết ngấm nhìn, biết chiêm ngưỡng vẻ đẹp thân thể của người đàn bà, và không ngại nói đến thân thể người đàn bà, hay nói chung, là việc phòng the. Trong chỗ kín đáo và riêng tư, Người Việt có thể dùng *Tiếng Việt thuần nguyên nghĩa* khi nói đến các chỗ kín của người đàn bà, hoặc nói đến chuyện phòng the. Đó là loại ngôn ngữ trực tiếp, hay *ngôn ngữ trần trụi*.

Trong văn thơ xưa, Người Việt không bao giờ nói đến thân thể người đàn bà, hoặc gọi tên các chỗ kín của người đàn bà, hoặc nói đến những chuyện phòng the, bằng ngôn ngữ trần trụi. Các bác sĩ có thể nói hay viết các bộ phận ấy, hay nói đến tính dục, nhưng bằng *Tiếng Hán Việt*. Ca dao thường nói đến tính dục bằng ngôn ngữ trần trụi, nhưng khi viết thành chữ, người ta cũng chỉ viết tắt các chữ ấy bằng các chữ cái đầu. Trong cuốn *Tục ngữ phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc, người ta có thể thấy hàng chục câu ca dao như vậy.

Để thay thế ngôn ngữ trần trụi, ngày xưa, Người Việt dùng những cách nói khác, ngắn gọn hay dài dòng, thông thường là những ngôn ngữ gợi hình, đẹp, và nên thơ.

Đó là *ngôn ngữ che đậy*

Ngôn ngữ che đậy có mặt bởi hai lý do:

- *Quan niệm luân lý và thẩm mỹ Á Đông có những điều cấm kỵ, nên không thể nói bằng ngôn ngữ trần trụi;*
- *Lớp Người Việt có học tạo ra ảo tưởng rằng, trong phái tính và tính dục, dùng tiếng mẹ đẻ nguyên nghĩa là xấu xa, nên, nếu không dùng Tiếng Hán Việt, thì phải dùng ngôn ngữ che đậy.*

7301 *Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.*

Nguyễn Du

tòa thiên nhiên = thân thể người đàn bà.

7302 *Cái đêm hôm ấy đêm gì*

Bóng dương lồng bóng đồ my trập trùng.

Nguyễn Gia Thiều

Bóng dương = nhà vua;

đồ my = một loài hoa, chỉ người đàn bà đẹp, ở đây là cung nữ cùng vua ân ái.

- 7303 *Bóng gương lấp lánh dưới màn
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.*
Nguyễn Gia Thiều
mây mưa = việc phòng the.
Trước hình bóng của một người đàn bà đẹp, vô tri như cỏ cây cũng thêm ái ân, hướng chi là con người.
- 7304 *Mây mưa mấy giọt chung tình
Đình Trâm Hương khóa một cành mẫu đơn.*
Nguyễn Gia Thiều
Mây mưa = việc phòng the;
cành mẫu đơn = một loài hoa, chỉ người đàn bà đẹp.
Đường Minh Hoàng, vì quá yêu Dương Quý Phi, một trong những người đàn bà đẹp nhất của Nước Tàu ngày xưa, đã chốt kín nàng trong Đình Trâm Hương.
- 7305 *Khi áp mạn ôm đào gác nguyệt
Lúc cười sương cột tuyết đền phong.*
Nguyễn Gia Thiều
áp mạn ôm đào = việc phòng the.
- 7306 *Khoảnh làm chi bấy chúa xuân
Chơi hoa cho rữa nhụy dân lại thôi.*
Nguyễn Gia Thiều
hoa = người đàn bà;
Chơi hoa = việc phòng the.
- 7307 *Nào lối dạo vườn hồng năm ngoái
Đóa hồng đào hái buổi còn xanh.*
Nguyễn Gia Thiều
Đóa hồng đào = người đàn bà đẹp;
hái = việc phòng the.
- 7308 *Giấc chiêm bao những đêm xưa
Giọt mưa cầu hạn còn mơ đến rày.*
Nguyễn Gia Thiều
Giọt mưa cầu hạn = lâu ngày mới có việc phòng the.
Người cung nữ lâu ngày mới được vua ái ân một lần, chẳng khác nào nắng hạn gặp mưa rào (*giọt mưa cầu hạn*).
- 7309 *Về đây nước trước bể hoa
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.*
Nguyễn Du
bể hoa = việc phòng the.

- 7310 *Tiếng súng ân tình bốn mặt ran*
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn.
 Tản Đà
cánh hoa tàn = người con gái không còn trinh (Thúy Kiều).
- 7311 *Đang khi bếp tắt cơm sôi*
Con còn khóc đói chồng đòi tòm tem.
 Ca dao
tòm tem = việc phòng the.
- 7312 *Trên đầu em đội khăn vuông*
Trông xuống dưới ngực cau bông còn non.
 Ca dao
cau bông = cặp vú của người con gái.
- 7313 *Sáng trăng em tưởng tối trời*
Em ngồi em để sự đời em ra.
 Ca dao
sự đời = chỗ kín của người đàn bà.
- 7314 *Đôi gò Bông Đảo sương còn ngậm*
Một lạch Đào Nguyên suối chứa thông.
 Hồ Xuân Hương
Đôi gò Bông Đảo = cặp vú của người con gái;
Một lạch Đào Nguyên = chỗ kín của người con gái.
- 7315 *Còn thú vui kia sao chẳng vẽ*
Trách người thợ vẽ khéo vô tình!
 Hồ Xuân Hương
thú vui kia = chỗ kín của người đàn bà.
- 7316 *Vấn chương chữ nghĩa bẽ bề*
Thần l . . . ám ảnh cũng mê mẩn người.
 Ca dao
l . . . = lồn (ngôn ngữ trần trướng).
- 7317 *Đêm qua anh nằm nhà ngoài*
Để em thử vấn than dài nhà trong
Ước gì anh được vô phòng
Loan ôm lấy phượng phượng bông lấy loan.
 Ca dao
loan, phượng = tên hai loài chim, tượng trưng cho đàn bà và đàn ông;
Loan ôm lấy phượng phượng bông lấy loan = việc phòng the.

7318 *Lần đầu tiên, chàng nhìn thấy thân thể của nàng, cân đối và tuyệt đẹp. Nàng nằm, đôi mắt khép hờ; chàng ngắm nhìn nàng, ngây ngất, rồi chàng cúi xuống, say đắm hôn lên vùng thân mật của nàng . . .*

T.N.T.

vùng thân mật của nàng = chỗ kín của nàng.

7319 *Thân em như tấm lụa đào
Còn nguyên hay xé vuông nào cho ai?*

Ca dao

còn nguyên = còn trinh;

xé vuông nào cho ai = đã mất trinh với ai.

7320 *Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng.*

Nguyễn Bính

động phòng = việc phòng the trong đêm mới cưới.

7321 *Tiệc thay một đóa trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về
Một cơn mưa gió nặng nề
Thương gùi đến ngọc tiếc gùi đến hương!
Đêm xuân một giấc mơ màng
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ.*

Nguyễn Du

đóa trà mi = một loài hoa, chỉ người đàn bà đẹp;

Con ong = người đàn ông;

đã tỏ đường đi lối về = đã làm việc phòng the;

một cơn mưa gió nặng nề = làm việc phòng the một cách thô bạo bởi một người đàn ông thô tục;

Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ = tư cách hèn hạ của Mã Giám Sinh, coi việc phòng the là để thỏa mãn thú tính, nghĩa là không coi đó là những giây phút thăng hoa tuyệt diệu của tình yêu. Bởi đó, sau khi thỏa mãn, Mã Giám Sinh đã bỏ mặc Thúy Kiều, nằm trơ như một đóa hoa tươi tắn.

7322 *Lấy chồng từ thưở mười lăm
Chồng chê tôi bé không nằm cùng tôi
Đến năm mười tám đôi mươi
Tôi nằm dưới đất chồng tôi lên giường
Một rằng thương hai rằng thương
Có bốn chân giường gãy một còn ba.*

Ca dao

Một rằng thương hai rằng thương = làm việc phòng the quá độ;

Có bốn chân giường gãy một còn ba = cách mô tả gián tiếp cảnh trên.

- 7323 *Của chua ai thấy chả thèm*
 – Em cho chị mượn chồng em vài ngày.
 – Chồng em đâu phải trâu cày
 Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm.
 Ca dao
 Người chị hỏi **mượn** người chồng trẻ của em gái, để làm việc phòng the.
- 7324 *Chị em rủ nhau tắm đằm.*
 – Của em thì trắng, chị thâm thế này?
 – Chị thâm bởi tại anh mày
 Xưa kia chị cũng hạt trai đỏ lòm.
 Ca dao
Cái muốn nói (lồn) được hiểu ngầm.
- 7325 *Biết thân đến bước lạc loài*
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
 Nguyễn Du
Nhị đào = trinh tiết của người con gái;
bẻ = trao/ hiến dâng.
- 7326 *Anh quỳ xuống dưới vòm trời khao khát*
Dù thật lòng em chưa muốn cho xem.
 Nguyễn Đức Sơn
vòm trời khao khát = chỗ kín của người con gái.
- 7327 *Bạc tình nổi tiếng lâu xanh*
Một tay chôn biết mấy cành phù dung!
 Nguyễn Du
phù dung = một loài hoa, chỉ người con gái đẹp;
chôn = phá trinh;
Một tay chôn biết mấy cành phù dung = một mình Sở Khanh đã phá trinh không biết bao nhiêu người con gái đẹp.
- 7328 *vai nghiêng nghiêng suối tơ huyền*
đôi gò đào nở trên miền tuyết thơm
 Phạm Thiên Thư
suối tơ huyền = mái tóc đen dài, đẹp như như tơ, của người con gái;
đôi gò đào = đôi vú của người con gái;
miền tuyết thơm = làn ngực trắng và thơm của người con gái.

2 Trong các chuyện khác

Ngoài những điều cấm kỵ trong phái tính và tính dục, Người Việt còn phải chịu thêm một điều cấm kỵ không kém nghiêm ngặt. Đó là cái mà ngày xưa gọi là “quốc sự,” và ngày nay gọi là *chánh trị*. Ngoài ra, dân gian còn không được nói đụng chạm đến bọn cường hào ác bá, từ cao đến thấp, trong bộ máy cầm quyền, kể cả bọn nhà giàu nhiều thế lực trong xã hội.

Đó là lý do làm cho văn chương Việt Nam có thêm một loại ngôn ngữ che đậy khác hơn là ngôn ngữ che đậy trong phái tính và tính dục.

7329 *Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bia cười!
Biết bao lực mỗi công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi?
Ấy trước ông cha mua để lại
Mà sau con cháu lấy làm chơi
Thôi thôi chớ trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.
Tản Đà. Vịnh bức địa đồ rách.*

Nhà thơ dùng ngôn ngữ che đậy để nói về tình hình đen tối của đất nước, và thái độ thờ ơ lạnh lùng của người đương thời.

7330 *Ăn mía theo voi tiếng đến già
Vì chi miếng bã để trò dơ!
Rón chân những chực khi voi nhỏ
Rát lưỡi dành xơi cái ngọt thừa
Ấy đã theo đuôi thì phải hít . . .
Còn đâu nên tấm nữa mà vợ?
Ngàn năm bia miệng là câu thế
Những khách ăn tàn đã biết chưa?
Tản Đà
Bài thơ trên đây chỉ bọn người theo đóm ăn tàn.*

7331 *Tiếng súng ân tình bốn mặt ran
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn.
Tản Đà*

Sau khi giết được Từ Hải, và trong lúc tiếng súng còn nổ ran, Hồ Tôn Hiến chỉ nghĩ đến việc chiếm đoạt thân xác của Thúy Kiều. Nhà thơ Tản Đà mượn sự việc này để chỉ những kẻ có trách nhiệm lớn, nhưng chỉ nghĩ đến việc thấp hèn.

- 7332 *Có tiền việc ấy mà xong nhỉ!
Đời trước làm quan cũng thế a?*
Nguyễn Khuyến
Mượn câu chuyện thăng bán tơ vụ họa cho cha của Thúy Kiều, và quan huyện ăn hối lộ 300 lạng bạc để tha tội Vương ông, nhà thơ Nguyễn Khuyến chỉ việc quan lại ở thời đại của ông tham nhũng và ăn hối lộ là chuyện thường xảy ra. Nhà thơ chỉ ngạc nhiên về việc tham nhũng của quan lại đời trước.
- 7333 *Anh hỡi Tôn Quyền anh có biết
Trai ngay thờ chúa gái thờ chồng.*
Phan Văn Trị
Là một sĩ phu chống lại sự đô hộ của Pháp, Phan Văn Trị mượn truyện Tam Quốc của Tàu để chỉ trích thái độ hợp tác với thực dân Pháp của một người cùng thời với nhà thơ, Tôn Thọ Tường.
Câu đầu chỉ Tôn Thọ Tường, cùng họ với Tôn Quyền;
Câu sau chỉ việc Tôn Thọ Tường hợp tác với Pháp: trai chỉ phục vụ *một* vua, cũng như gái chỉ lấy *một* chồng.
- 7334 *. . . Mầu chuyển . . . đũa tiên vừa đặt
Cành cây thoi khoát thanh y
Tùng phố đây từng chỗ ngoặc
Áo vàng Công Chúa Paris.*

*Khách du có gã tình si
Quyết hái bàn tay Công Chúa
Òi nàng đã thiết triều nghi
Lộng lẫy ngai vàng lá úa*

*Lệnh xuống bưng lên khúc múa
Trăm ngàn pho tượng hồi sinh
Nhịp với đồng vườn đá cựa
Mấy mùa vang bóng hiển linh.*

*Hai mươi thế kỷ nghiêng mình
Hai chục Paris tròn mắt
Trái tim vàng của Đế Kinh
Hòa điệu tình ca khoan nhặt.*

*Ai bảo đồng kia lạnh ngắt
Ai rằng đá nọ trơ trơ
Từ đỉnh ba trăm thước sắt
Này nghe lòng tháp vương tơ . . .*
Vũ Hoàng Chương

Nhà thơ tả thành phố Paris, mà ông gọi là *Công Chúa Paris*, với ngôn ngữ che đậy.

thanh y (áo xanh) = khoảng xanh lá cây trong thành phố;

áo vàng = lá cây trở màu vàng vào mùa thu;

trăm ngàn pho tượng = thành phố Paris có rất nhiều tượng;

Đế Kinh = thủ đô của Nước Pháp;

Ba trăm thước sắt = Tháp Eiffel cao 300m; con số 300 tượng trưng cho vận tốc của ánh sáng (300 ngàn km/giây), mang ý nghĩa *Paris là Thủ Đô Ánh Sáng*.

Ghi chú

Nội dung của bài thơ này không nằm trong những điều cấm kỵ. Trong một đất nước có quá nhiều điều cấm kỵ, kéo dài trong nhiều ngàn năm, cho đến tận ngày nay, đầu Thế Kỷ 21, việc dùng ngôn ngữ che đậy đã trở thành một thói quen. Thói quen này nặng nề đến nỗi nó tạo thành phản xạ tự nhiên của Người Việt. Ngay cả khi nói về những điều không bị cấm kỵ, nhà thơ vẫn dùng ngôn ngữ che đậy.

Chìm đắm lâu ngày trong bóng tối, con người thấy bóng tối cũng quen thuộc như ánh sáng mặt trời.

Trong suốt dòng lịch sử, từ ngày mở nước, dân tộc Việt Nam chưa có lúc nào được hưởng không khí tự do. Trừ thời gian bị Người Tàu và Người Pháp đô hộ, cũng có lúc đất nước Việt Nam thái bình và hưng thịnh. Tuy nhiên, dưới các triều đại vua chúa, dân gian Việt Nam phải khép mình theo luật lệ phong kiến. Thời phong kiến là thời kỳ nhân trị. Theo chân văn hóa Tàu, vua tự xem là “con trời.” Gặp vua tốt thì dân được nhờ; gặp vua không tốt thì dân khổ. Dầu vua tốt hay vua không tốt, phong kiến vẫn là phong kiến, và con người không bao giờ có tự do theo quan niệm ngày nay. Trong môi trường như vậy, để tránh tai vạ, dân gian Việt Nam đã dùng ngôn ngữ che đậy, để nói những điều muốn nói. Lâu ngày trở thành một thói quen không thay đổi được, như một *phản xạ có điều kiện* của Pavlov, ngôn ngữ che đậy được dân gian dùng hầu như trong mọi chuyện của đời sống, kể cả trong lời nói hằng ngày.

Cho đến ngày nay, đã là Thế Kỷ 21, dân tộc Việt Nam vẫn còn tiếp tục bị sống trong buổi cuối mùa của một chế độ nhân trị kiểu mới, trong cuộc đô hộ tiếp nối cuộc đô hộ 100 năm của thực dân da trắng, không phải bởi ngoại bang, mà bởi chính những người gọi là “đồng bào” của họ. Khi nào thoát khỏi ách thống trị của Thực Dân Da Vàng, tức Đảng Cộng Sản Việt Nam, đã kéo dài hơn nửa thế kỷ nay, dân tộc Việt Nam có thể sẽ bước vào thời kỳ hạnh phúc đầu tiên, nghĩa là sẽ được sống trong một xã hội tự do, pháp trị, dân chủ, và nhân bản.

Đó là lúc ngôn ngữ che đậy không còn lý do để tiếp tục có mặt, và thay vào đó, là

Ngôn Ngữ Của Nói Thẳng Và Nói Thật.

7.4 Coi như con người

Ngoài ngôn ngữ che đậy, Người Việt còn thích *coi như con người*, các vật vô tri và các loài động vật. Có hai lý do đáng để ý sau đây.

1 Kéo xuống những gì ở Trên Cao, và nâng lên những gì ở Dưới Thấp

Như một dân tộc Đông Phương, Người Việt thích sống hòa hợp với thiên nhiên. Đặc biệt, Người Việt kéo xuống những gì ở Trên Cao, và nâng lên những gì ở Dưới Thấp, cho ngang hàng, gần gũi, và thân thiết với mình. Đó là lý do làm cho Người Việt thích *coi như con người*, loài vật, và những gì vô tri hay siêu hình, cũng như *coi như con người*, cả thánh thần, Trời, Phật . . .

Các ví dụ lấy từ văn học, và đặc biệt là từ ca dao, như một tài liệu lịch sử vô giá của dân tộc Việt Nam, cho thấy *Người Việt không phải là một dân tộc thờ thần quyền*. Trong sâu xa, Việt Nam là một dân tộc nhân bản: *lấy con người làm gốc*.

- 7401 *Con cóc là cậu Ông Trời*
Hễ ai đánh nó thì Trời đánh cho.
 Ca dao
 Ông Trời được kéo xuống thấp ngang hàng loài vật.
- 7402 *Bắt thang lên hỏi Ông Trời*
Có tiền cho gái có đòi được không?
 Ca dao
 Ông Trời được coi như một người bạn.
- 7403 *Các em thích đùa, muốn lên Cung Trăng*
Cứ hỏi Ông Trời cho mượn cái thang.
 Nhạc sĩ Lê Thương
- 7404 *Gần chùa gọi Bụt bằng anh*
Thấy Bụt hiền lành bẻ Bụt đi chơi.
 Ca dao
- 7405 *Đức Chúa Giê Su đánh đu gãy căng*
Đức Chúa Trời chạy thẳng nhà thương.
 Ca dao

- 7406 *Người gần ta Trời xa ta*
Thương người rồi mới thương qua Phật Trời.
 Vita Lê Văn Vị
 Trời, Phật, hoặc ý niệm về Thượng Đế trong các tôn giáo, được xem như ngang hàng, nhưng xa cách với con người: một quan niệm sống của dân gian Việt Nam, lấy con người làm gốc (nhân bản). Những câu ca dao Việt Nam không có ý nghĩa báng bổ thánh thần, mà xuất phát từ **tinh thần nhân bản**, một đức tính quý báu và đáng yêu của dân tộc Việt Nam. *Nhân bản* ngược với *thần quyền*.
- 7407 *Thấy anh hay chữ em hỏi thử đôi lời*
Thuở tạo thiên lập địa, Ông Trời ai sanh?
 Ca dao
- 7408 *Ông thánh còn có khi lầm*
Hướng chi con gái tám năm tuổi đời
 Ca dao
- 7409 *Đêm thu buồn lắm Chị Hằng ơi!*
Trần thế em nay chán nữa rồi
Cung quế có ai ngồi đó chưa?
Cành đa xin chị nhấc lên chơi.
 Tản Đà
 Trăng được nhân cách hóa như một người chị thân thiết của nhà thơ.
- 7410 *Tình riêng trăm ngẩn mười ngơ*
Ngồi buồn lấy giấy viết thư hỏi Trời
Xem thư Trời cũng bật cười
Cười cho hạ giới có người oái oăm.
 Tản Đà
 Ông Trời của nhà thơ rất hiền lành và vui tánh.
- 7411 *Bờ hồ những gió cùng trăng*
Những trăng cùng gió lảng những sự đời
Ai lên nhấc trách Ông Trời
Bày chi trăng gió cho người gió trăng.
 Tản Đà
- 7412 *Nghĩ đời mà ngán cho đời*
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
 Nguyễn Du
- 7413 *Đất say đất cũng lặn quay*
Trời say trời cũng đổ gay ai cười?
 Tản Đà

Người Việt nâng lên những gùi ở Dưới Thấp cho ngang hàng và gần gũi, và coi như bạn bè của mình. Đặc biệt, con trâu và con cò được dân gian dành nhiều cảm tình. Con trâu góp phần nặng nhọc nhất trong công việc đồng áng; con cò là hình ảnh đẹp nhất trong ca dao Việt Nam. Cả hai con vật này gắn liền với đồng ruộng. Có thể nói, con cò là hình ảnh của nhà nông thời xưa: *con cò lặn lội bờ sông . . .*

7414 *Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cày cày vốn việc nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*
Ca dao

7415 *Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
– Ông ơi ông vớt tôi mau
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*
Ca dao

7416 *Cái cò cái vạc cái nông
– Sao mày giãm lúa nhà ông hời cò?
– Không không, tôi đứng trên bờ
Mẹ con nhà nó đổ ngờ cho tôi
Chẳng tin thì ông đi đôi
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia!*
Ca dao

7417 *Cái cò cái vạc cái nông
Cùng ăn một đồng nói chuyện giăng ca.*
Ca dao

7418 *Con cò chết rũ đêm qua
Con cu giở lịch làm ma con cò.*
Ca dao

7419 *Cái cò là cái cò con
Mẹ nó yêu nó, nó còn làm thơ*.*
Ca dao

* **làm thơ** (chữ xưa) = làm nũng.

7420 *Cái cò là cái cò quăm*
Mày hay đánh vợ mày năm với ai?
Có đánh thì đánh ban mai
Chớ đánh chập tối chẳng ai cho năm.
 Ca dao

7421 *Mây trắng về đâu bay gấp gấp*
Con cò trên ruộng cánh phân vân.
 Xuân Diệu

2 Nhìn vật chất thấy linh hồn

Suốt dòng lịch sử, dân tộc Việt Nam chỉ có một ít thời kỳ thái bình và thịnh trị. Lịch sử Việt Nam là một chuỗi những thời kỳ bị đô hộ, những cuộc chiến tranh, và những cuộc nội chiến. Và sau cùng, hôm nay, dân tộc Việt Nam vẫn đang tiếp tục sống quần oại đau thương dưới chế độ nhân trị kiểu mới của Cộng Sản Việt Nam. Nói chung, lịch sử Việt Nam làm bằng đau thương nhiều hơn hạnh phúc. Nỗi đau thương hiện ra rõ nhất trong thơ, kể cả thơ xưa và thơ hôm nay, và trong nhạc, kể cả nhạc cổ truyền và nhạc hôm nay. Nỗi đau thương triền miên, Người Việt trở thành một dân tộc đa cảm. Bởi đó, Người Việt *nhìn vật chất thấy linh hồn*. Đó cũng là lý do hiện hữu của ngôn ngữ *coi như con người*, trong ca dao và thơ Việt Nam.

7422 *Lá sen tàn tạ trong đầm*
Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa.
 Tản Đà
 Được biết, nhà văn Pháp so sánh những giọt sương đọng trên lá, với những hạt trai, nghĩa là *nhìn vật chất ra vật chất*. Nhà thơ Việt Nam nhìn những giọt sương đọng trên lá, như những giọt lệ: *nhìn vật chất thấy linh hồn*.

7423 *Rặng liễu đều hiu đứng chịu tang*
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.
 Xuân Diệu

7424 *Gió rủ canh đi, ngàn liễu khóc*
Sông đùa lạnh tới, bóng trăng run . . .
 Quách Tấn

7425 *Thời gian dừng bước trên đồng vắng . . .*
 Bằng Bá Lân

- 7426 *Ta về khai giải bùa thiêng yểm*
Thức dậy đi nào, gõ đá ơi!
 Tô Thùy Yên
- 7427 *Sao trời từng chiếc rơi thành lệ*
Sương khói bên đồng ủ bóng mơ.
 Đoàn Văn Cừ
- 7428 *Cành thưa nắng tưới chim không đứng*
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.
 Bằng Bá Lân
- 7429 *Bóng ơi mời bóng vào nhà*
Ngọn đèn kêu tỏ hai ta cùng ngồi
Ngồi đây ta nói sự đời
Ta ngồi ta nói, bóng ngồi bóng nghe.
 Tấn Đà
 Nhà thơ nhân cách hóa cái bóng của mình.
- 7430 *Sương bạc làm tỉnh, khuya nín thở . . .*
 Xuân Diệu
- 7431 *Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng*
Trôi thây về xa tận cõi vô biên.
 Hàn Mặc Tử
- 7432 *Xa nhìn bên cõi trời mây*
Chị ơi, em thấy một cây liễu buồn.
 Thanh Tịnh
- 7433 *Tò vò mà nuôi con nhện*
Đến khi nó lớn nó quện nhau đi
Tò vò ngồi khóc tỉ tỉ:
“Nhện ơi nhện hỡi, mày đi đàn nào?”
 Ca dao
- 7434 *Chim chuyền nhành ớt lú lo*
Sầu ai nên nổi ồm o gầy mòn.
 Ca dao
- 7435 *Con cóc nằm gốc bờ ao*
Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.
 Ca dao

- 7436 *Cái cò cái vạc cái nông*
Cùng ăn một đồng nói chuyện giảng ca.
 Ca dao
chuyện giảng ca = chuyện tâm phào.
- 7437 *Buồn về một nỗi tháng giêng*
Con chim cái cú nằm nghiêng thở dài.
 Ca dao
- 7438 *Vì cam cho quit đèo bông*
Vì em nhan sắc cho lòng nhớ thương.
 Ca dao
- 7439 *Thuyền ơi, có nhớ bến chăng?*
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.
 Ca dao
- 7440 *Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng*
Đèn ra trước gió được chăng hỡi đèn?
 Ca dao
- 7441 *Trăng rằm trăng chẳng nguyệt hoa*
Sao trăng chứa Cuội trong nhà hỡi trăng?
 Ca dao
- 7442 *Chim ham trái chín ăn xa*
Buồn tình lại nhớ gốc đa muốn về.
 Ca dao

Người Tây Phương nhìn vật chất chỉ thấy vật chất; hiếm hoi mới có một người, như nhà thơ lãng mạn Lamartine của Pháp ở Thế Kỷ 19, tỏ vẻ ngờ vực, không biết thế giới của vật vô tri có tâm hồn hay không:

Objets inanimés! Avez-vous donc une âme
Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer?
 (Hỡi các vật vô tri! Các ngươi có chăng một tâm hồn
 Gắn chặt với tâm hồn ta, và buộc nó phải yêu thương?)

Đó là thái độ ngờ vực và tự hỏi thôi, chớ chưa phải là nhìn vật chất thấy linh hồn, như các nhà thơ Việt Nam. Bởi, cái nhìn về đời sống của dân tộc Việt Nam, cũng như phần đông các dân tộc Đông Phương, là sống hòa hợp với thiên nhiên: con người với thiên nhiên làm một. Nên, nhìn thiên nhiên, họ thấy linh hồn, như Nguyễn Du viết:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

7.5 Tiếng lái

Như các xã hội Á Đông, xã hội Việt Nam có quá nhiều điều cấm kỵ về chánh trị và tính dục, và những điều kiêng cử do mê tín dị đoan. Sống trong những điều kiện như vậy, dân gian Việt Nam dùng ngôn ngữ che đậy để né tránh những điều cấm kỵ và kiêng cử.

Ngôn ngữ che đậy gồm có:

- 1 ngôn ngữ che đậy dùng trong văn học (Mục 7.4),
- 2 tiếng lái,
- 3 tiếng lóng.

Tiếng lái, thường là một cách nói để giấu cợt, có thể được dùng trong văn chương, nhưng được dùng nhiều nhất là trong lời nói.

Tiếng lóng, là một cách nói kín đáo, một ngôn ngữ đen, thường được dùng giữa các tay anh chị trong giới giang hồ; tiếng lóng cũng được dùng trong các ngành nghề riêng biệt. Tiếng lóng chỉ dùng trong lời nói, và chỉ có người trong cùng một giới mới hiểu được.

1

Tiếng lái là gì?

Tiếng lái tạo nên do *đảo cách phát âm* của hai chữ. Thông thường, tiếng lái của một cặp *hai chữ* được tạo nên bằng cách đổi chỗ của 1 hoặc 2, trong 3 thành phần sau đây của hai chữ ấy:

- *phụ âm đầu*,
- *âm gốc*,
- *dấu giọng*.

Xét hình thức của chữ viết, người ta có thể có nhiều cách cấu tạo tiếng lái.

Cách	Tiếng thường	Tiếng lái	Cấu tạo bằng cách đổi chỗ
1*	đầu tiên	tầu điên*	phụ âm đầu
2	đầu tiên	điên tàu	âm gốc và dấu giọng
3	đầu tiên	đầu tiên	dấu giọng
4	đầu tiên	tiên đầu	phụ âm đầu và âm gốc
5*	đầu tiên	tầu điên*	phụ âm đầu và dấu giọng
6	đầu tiên	điên tàu	âm gốc
7	đầu tiên	tiên đầu	lật ngược thứ tự của hai chữ

Trong 7 tiếng được đổi chỗ theo cách trên, người ta nhận xét thấy:

- Chữ thứ 1* (*tâu điên**) và 5* (*tâu điên**) không nghe đảo âm rõ rệt;
- Các chữ *tâu điên*, *điên tâu*, *tâu điên*, *điên tâu*, và *tiên đầu* không có nghĩa.

Vậy, chữ *đầu tiên* chỉ tạo ra 2 tiếng lái có nghĩa: *đầu tiên*, *tiên đầu*. Tiếng lái, được hiểu đúng, là những *tiếng lái có nghĩa*; những tiếng lái không có nghĩa không được coi là *tiếng lái*. Tiếng lái là một đặc điểm của ngôn ngữ đơn âm, như Tiếng Việt. Các ngôn ngữ đa âm, như Tiếng Anh và Tiếng Pháp, không có tiếng lái.

2

Điều kiện để có tiếng lái

- Một tập hợp của 2 chữ khác nhau luôn luôn có tiếng lái;
- Một tập hợp của 3 chữ khác nhau luôn luôn có tiếng lái, nhưng chữ giữa không thay đổi;
- Một chữ chiếc không có tiếng lái;
- Một tập hợp của 2 chữ giống nhau (*song song*, *đời đời*, *mãi mãi* . . .) không có tiếng lái.

3

Các trường hợp đảo cách phát âm

Vì Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, khi có hai cách phát âm của hai chữ khác nhau, người ta luôn luôn có thể đảo cách phát âm để tạo nên tiếng lái, tức là tạo nên hai chữ mới với cách phát âm mới. Đảo cách phát âm dẫn đến thay đổi chữ. nghĩa là thay đổi chỗ của 3 thành phần: *phụ âm đầu*, nếu có, *âm gốc*, và *dấu giọng*.

Bản chất của tiếng lái là *âm thanh*, chứ không phải *chữ viết*.

Có 3 trường hợp đảo cách phát âm.

- 1 Các tiếng lái *giữ nguyên các phụ âm đầu, âm gốc, và dấu giọng*.
cưa ngọn ↔ con ngựa.
- 2 Để viết đúng chính tả, tiếng lái có thể thay đổi các âm gốc, phụ âm đầu hay dấu giọng, bằng các âm gốc, phụ âm đầu, và dấu giọng có cách phát âm gần giống nhau.
Ví dụ
 - đổi âm gốc **iêm ≈ im, ao ≈ au, ôc ≈ oc, ang ≈ an, ac ≈ at . . .**
 - đổi phụ âm đầu **k ≈ c, v ≈ gi, d ≈ gi . . .**
 - đổi dấu giọng **dấu hỏi ≈ dấu ngã.***lộng kiếng ↔ liệng cống* **(k ≈ c).**

- 3 Ngoại lệ, khi Người Việt nói lái từ Tiếng Anh hay Tiếng Pháp, các tiếng lái chỉ cần chú ý đến việc đảo cách phát âm, viết đúng chính tả Tiếng Việt, và không để ý đến cách viết của Tiếng Anh hay Tiếng Pháp.
shopping ↔ *xin bóp*.

4

Vài ví dụ

Trường hợp 1

- 1 Phú Điền có chị Tám Khai
Thuyền quyền hò mí, đối trai anh hùng.
Ca dao
đối trai ↔ **đái trôi**
- 2 Ông cố bên Tàu là ông cố ai?
Câu đố
cố ai ↔ **cái ô**
- 3 Khi đi cửa ngọn; khi về cũng cửa ngọn.
Câu đố
cửa ngọn ↔ **con ngựa**
- 4 Gái Củ Chi **chỉ cu**, hỏi: củ chi?
Câu đố. Trà Lũ. Miền Đất Hứa
chỉ cu ↔ **Củ Chi**.
- 5 Bằng cha bằng chả **bằng chà**
Con nít nghe nói sợ đà thất kinh.
Câu đố
bằng chà ↔ **bà chàng**
- 6 Chừng nào lúa mọc trên chì⁽¹⁾
Voi đi trên giấy⁽²⁾ rồi đời thầy tăng.
Sấm Trạng Trình
thầy tăng ↔ **thằng Tây**
(1) bạc cắc bằng kim loại, có hình cây lúa;
(2) giấy bạc 100 đồng, có hình con voi.
- 7 Thôi thôi xin kiếu cô từ đấy
Chiều dãi thì tôi cũng . . . vào đèo!
Tú Xương
vào đèo ↔ **đéo vào** (đéo cùng nghĩa với **không**, một cách nói của dân gian Miền Bắc)

- 8 *Hỏi sao người đẹp ốm ở*
*Thì ra là những tiên cơ **tiên không**.*
 Tần Đà
tiên không ↔ **không tiên**
- 9 *Cái kiếp tu hành nặng **đá đeo***
Vị gùi một chút tẻo tèo tèo
Thuyền tình cũng muốn về Tây Trúc
*Trái gió cho nên phải **lộn lèo**.*
 Hồ Xuân Hương
đá đeo ↔ **đ. đa**
lộn lèo ↔ **lẹo l.**
- 10 *Khen ai **đẻo đá** tài xuyên tạc*
Khéo hớ hênh ra lấm kẻ dòm.
 Hồ Xuân Hương
đẻo đá ↔ **đ. đã**
- 11 *Hồ tù ngán nỗi con **rông lộn***
Ngọc vết thương tình kẻ cố đeo.
 Tú Mỡ
rông lộn ↔ **l. rông**
- 12 *Đang cơn **nắng cực** chữa mưa hè*
Rủ chị em ra tát nước khe.
 Hồ Xuân Hương
nắng cực ↔ **nững c.**
- 13 ***khoái ăn sang** ↔ **sáng ăn khoai***
 Trong khoảng 1975-1980, dưới thời cộng sản, đồng bào bị đói vì thiếu gạo, phải ăn độn bằng bo bo, bắp, và các loại khoai củ; trong dân gian, liền xuất hiện tiếng lải trên.
- 14 *Đi đâu, con bỏ ở nhà*
*Hỏi em, em nói, “Đi **chà đồ nhôm**.”*
 Ca dao mới
chà đồ nhôm ↔ **chôm đồ nhà**
chôm = lén lút lấy đồ vật trong nhà.

Theo Tiến Sĩ Nguyễn Hữu Phước, trong *Tiếng Việt đa dạng*, sau Tháng Tư 1975, ở Sài Gòn xuất hiện ca dao mới trên đây, mô tả cảnh nghèo đói của người dân, phải đem bán bất cứ vật gì có thể “chôm” ở trong nhà.

Trường hợp 2

15 *Trai Hốc Môn miệng hôn tay móc*

Gái Gò Công mình gông chân co.

Câu đối

hôn móc ↔ Hốc Môn

(ôc ≈ oc)

gông co ↔ Gò Công

16 *Chung Vô Diệm ↔ chim vô dụng* (iêm ≈ im)

Trong *Tiếng Việt đa dạng* của Tiến Sĩ Nguyễn Hữu Phước, đàn ông bất lực về sinh lý, bị các bà gọi là *Chung Vô Diệm*. Trong tiếng lái 3 chữ này, chữ giữa không thay đổi.

17 *lộng kiếng ↔ liệng cống* (k ≈ c)

Trong thời gian đầu chiếm Miền Nam, Cộng Sản thường tặng các giấy khen, như một loại bánh vẽ cho công nhân viên “lao động tốt.” Trong dân gian, liền xuất hiện tiếng lái trên.

18 *đung trông hoài ↔ đái trong quần* (ông ≈ ong; ứng ≈ ân; oai ≈ ai; h ≈ qu)

19 *giải phóng ↔ phóng dãi* (gi ≈ d)

20 *Quán sứ sao mà cảnh vắng teo*

Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?

Chày kình tiểu để suông không đấm

Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo.

Hồ Xuân Hương

đáo nơi neo ↔ đ. nơi nao

suông không đấm ↔ đấm không xuống (x ≈ s)

đếm lại đeo ↔ đ. lại đem

21 *thủ tướng ↔ tướng thú*

Trần Khải Thanh Thủy

(thủ tướng cộng sản Nguyễn Tấn Dũng)

22 *hai năm làm thủ tướng ↔ hai năm làm tướng thú*

Trần Khải Thanh Thủy

Ghi chú Trong tiếng lái 3 hay 5 chữ, chữ giữa không thay đổi, hoặc biến âm.
(làm ≈ lằm)

Trường hợp 3

23 *shopping ↔ xin bóp*

Các bà và các cô thích đi *shopping* ở Sears, JC Penny, Dillard's . . . có thể bị các thương xá này “xin” [cái] bóp của họ.

7.6 Ca dao

Việt Nam có hai hình thức văn học, Văn Học Bác Học và Văn Học Dân Gian, được phân biệt như sau.

- *Văn Học Bác Học* bao gồm những tác phẩm thuộc *văn học thành văn*, nghĩa là được ghi chép hoặc được in thành sách; một số lớn có ghi rõ người viết, và một số khác hiện nay vẫn không biết rõ người viết;
- *Văn Học Dân Gian* bao gồm những tác phẩm rải rác trong dân gian, được sáng tác bởi dân gian không tên tuổi, và được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bởi đặc tính này, Văn Học Dân Gian cũng còn được gọi là *văn chương truyền miệng*, và gồm có: ca dao, tục ngữ, câu vè, câu hò, câu đố, thần thoại và cổ tích.

Mỗi hình thức văn học có màu sắc và giá trị riêng trong Văn Học Việt Nam. Mục này chỉ giới hạn trong cái nhìn chung về *ca dao*.

1

Ca Dao là gì?

Ca dao là một loại thơ, được làm bởi dân gian không tên tuổi, rải rác từ đời này sang đời khác. Hầu hết ca dao được làm bằng thơ lục bát, là thể thơ truyền thống và thuần túy Việt Nam.

Không có chữ viết, ngày xưa, lớp vua quan và sĩ phu phải mượn Chữ Hán của Tàu để học hành và dùng trong công việc hành chánh. Nói chung, lớp dân gian đều mù chữ. Bởi đó, ca dao của dân gian được truyền miệng với nhau, và được lưu giữ bằng trí nhớ, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Việt Nam là một đất nước rất nghèo từ xa xưa cho đến nay; tuy nhiên, ca dao cho thấy dân gian ít khi tỏ ra than trách về cảnh nghèo của mình. Ca dao cũng không nói đến những cái xa vời. Qua ca dao, dân gian thường nói về cái gần gũi, ở ngay trong lòng họ: tình yêu. Hầu hết ca dao nói về đời sống lứa đôi và tình yêu trai gái.

Như đã viết ở Mục 7.2, một trong những đặc điểm của ngôn ngữ Việt Nam, là tính chất ẩn tượng. Ẩn tượng dẫn đến tính chất nên thơ, trữ tình, và lãng mạn cho ca dao.

Việt Nam là một trong số rất ít các dân tộc có ca dao. Bởi chỉ được truyền miệng, ca dao thoát khỏi khuôn sáo và sự kìm hãm bởi những điều cấm kỵ của thời phong kiến. Bởi đó, ca dao cho thấy tính chất hồn nhiên, tinh thần tự do phát biểu, tiếng nói phản kháng, và sự phóng khoáng trong ý nghĩ; đó là điều không thể tìm thấy trong Văn Học Bác Học.

Có thể nói, quyển *Tục ngữ phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc là một viện bảo tàng bổ túi của Văn Học Dân Gian nói riêng, và của Văn Hóa Việt Nam nói chung.

2 Ca dao, và tính chất thuần Việt

Khác với vua quan và sĩ phu ngày xưa, dân gian là lớp người không chịu ảnh hưởng văn hóa bên ngoài. Thuở các sĩ phu thích dùng Tiếng Hán Việt, và thành ngữ điển tích từ văn học Tàu, dân gian hầu như chỉ dùng Tiếng Việt thuần để làm ca dao. Trong Văn Học Bác Học, ngoài một số truyện viết bằng thơ lục bát, như *Truyện Kiều*, *Hoa Tiên*, *Lục Vân Tiên* . . . và một số khúc ngâm viết bằng thơ song thất lục bát, như *Cung Oán Ngâm Khúc*, *Chinh Phụ Ngâm* . . . người ta thấy hầu hết là thơ Đường luật, thất ngôn và ngũ ngôn, là các thể thơ Tàu. Trong khi đó, để làm ca dao, dân gian Việt Nam chỉ dùng thơ lục bát, là thể thơ truyền thống và thuần túy Việt Nam.

Sĩ phu làm thơ hay viết văn, thường phải viện dẫn đủ thứ thành ngữ điển tích từ văn học Tàu, để thay lời cho họ, hoặc để tăng thêm sức mạnh cho tiếng nói của họ; dân gian làm thơ như hơi thở tự nhiên, hơi thở của dân tộc Việt Nam.

Vua quan, sĩ phu, và lớp người giàu có thường chịu ảnh hưởng, hoặc rập khuôn theo văn hóa Tàu; dân gian giữ được nếp sống và tâm hồn tự nhiên của mình. Ca dao cho thấy, chẳng những không chịu ảnh hưởng từ văn hóa Tàu, dân gian còn chống lại những quan niệm và hủ tục của văn hóa ngoại lai, không thích hợp với tâm hồn và nếp sống của họ.

Về hình thức, ca dao Tàu – Kinh Thi – dùng thể thơ bốn chữ của Tàu:

Quan quan thư cưu

Tại hà chi châu

Yếu điệu thục nữ

Quân tử hảo cầu

Kinh Thi – Bài thơ mở đầu

Ca dao Việt Nam chỉ dùng Tiếng Việt thuần, và rất ít khi dùng Tiếng Hán Việt hay điển cố của Tàu, như một thói quen của Văn Học Bác Học.

Hãy đọc thơ bác học.

- 7601 *Chốn Hàm Dương, chàng còn ngoảnh lại
Bến Tiêu Tương, thiếp hãy trông sang.*
Đoàn Thị Điểm
Hàm Dương, Tiêu Tương là những nơi chốn bên Tàu.
- 7602 *Rừng năm Gia Tĩnh triều Minh
Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng.*
Nguyễn Du
Gia Tĩnh triều Minh là niên hiệu của một vua Tàu;
hai kinh là hai kinh thành bên Tàu.
- 7603 *Thương ông Gia Cát tài lành
Gặp khi Hán mạt cũng đành phôi pha.*
Nguyễn Đình Chiểu
Gia Cát (Khổng Minh Gia Cát Lượng) là một nhân vật lịch sử của Tàu;
Hán mạt là thời kỳ suy tàn của Nhà Hán bên Tàu.
- 7604 *Câu cảm tú đàn anh họ Lý
Nét đan thanh bạc chị chàng Trương.*
Nguyễn Gia Thiều
họ Lý, tức Lý Bạch, một thi hào đời Đường bên Tàu;
chàng Vương, tức Vương Duy, một họa sĩ kiêm thi sĩ đời Đường.
- 7605 *Canh khuya đưa khách . . . Lời reo ngọc
Mơ gái Tầm Dương thoáng áo xiêm.*
Vũ Hoàng Chương
Tầm Dương là tên một con sông bên Tàu, nơi một đêm trăng nhà thơ Bạch Cư Dị,
nghe một người đàn bà trẻ kể tâm sự của nàng, đã cảm hứng làm bài thơ nổi tiếng
Tỳ Bà Hành.
- 7606 *Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.*
Quách Tấn
bến Phong Kiều là một con sông bên Tàu, đề tài của tập thơ nổi tiếng *Phong Kiều Dạ Bạc* của nhà thơ Trương Kế;
sông Xích Bích là một con sông bên Tàu, đề tài của hai bài phú nổi tiếng của nhà thơ Tô Đông Pha: *Tiền Xích Bích Phú* và *Hậu Xích Bích Phú*.

- 7607 *Đi! Cùng anh tới Cô Tô cảnh cũ*
Chờ trăng lên mơ nữa giấc mơ xưa.
 Huy Thông
Cô Tô, tức đài Cô Tô ở bên Tàu, do Ngô Phù Sai xây cất cho Tây Thi, một người đàn bà đẹp nổi tiếng trong lịch sử của Nước Tàu.
- 7608 *Tiếng đàn thâm diệu dẫn tôi đi*
Qua những sân cung rộng hải hồ
Có phải A Phòng hay Cô Tô?
Lá liễu dài như một nét mi.
 Xuân Diệu
A Phòng là một cung rất lớn, do Tần Thủy Hoàng xây cất, hiện ở tỉnh Thiểm Tây, bên Tàu;
Cô Tô: xem chú giải ở Ví dụ 7607 ở trên.

Bây giờ, hãy nghe ca dao,
 với tên người, tên đất . . . đều ở nơi quê cha đất tổ.

- 7609 *Nhà Bè nước chảy chia hai*
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.
 Ca dao
- 7610 *Bắp non mà nướng lửa lò*
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm.
 Ca dao
- 7611 *Nhớ em, anh cũng muốn vô*
Sợ trường Nhà Hồ sợ phá Tam Giang.
 Ca dao
- 7612 *Học trò ở Quảng ra thi*
Thấy cô gái Huế chân đi không rời.
 Ca dao
- 7613 *Đường mô vui bằng Đường Thượng Tứ*
Cảnh mô đẹp bằng cảnh Núi Ngự Sông Hương.
 Ca dao
- 7614 *Sông mô trong bằng Sông An Cựu*
Hỏi mô quanh quẹo bằng Hỏi Châu Ê.
 Ca dao
Hỏi = lạch, khe.

- 7615 *Bình Định có Đá Vọng Phu*
Có Đầm Thị Nại có Cù Lao Xanh
Em về Bình Định cùng anh
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dứa.
 Ca dao
- 7616 *Vĩnh Long có cặp rồng vàng*
Nhứt Bùi Hữu Nghĩa nhì Phan Tuấn Thân.
 Ca dao
- 7617 *Anh đi Lục Tỉnh giáp vòng*
Tới đây trời khiến cho lòng thương em.
 Ca dao
Lục Tỉnh = sáu tỉnh ở Miền Nam, trước khi Pháp xâm chiếm.
- 7618 *Đèo nào cao bằng đèo Châu Đốc*
Gió nào độc bằng gió Gò Công.
 Ca dao
- 7619 *Muốn coi lên núi mà coi*
Coi bà Triệu Ẩu cỡi voi bành vàng.
 Ca dao
- 7620 *Ai lên Biện Thượng, Lam Sơn*
Nhớ Lê Thái Tổ chặn đường quân Minh.
 Ca dao
- 7621 *Anh đi theo chúa Tây Sơn*
Em về cấy ruộng mà thương mẹ già.
 Ca dao
- 7622 *Đi bộ thì khiếp Hải Vân*
Đi thuyền thì khiếp Sóng Thần, Hang Dơi
Yêu nhau cho thật cho xôi
Ghét nhau đưa đến Kim Bôi, Hạ Bì.
 Ca dao
Hạ Bì = vùng ma thiêng nước độc, Tỉnh Hòa Bình.
- 7623 *Ai về chợ huyện Thanh Vân*
Hỏi thăm cô tú đánh vắn được chưa
Đánh vắn năm ngoái năm xưa
Năm nay quên hết như chưa đánh vắn.
 Ca dao

3

**Ca dao,
tiếng nói phản kháng
của Văn Học Dân Gian**

Từ xa xưa cho đến hôm nay, một hiện tượng dễ nhận thấy là, vua quan ngày xưa hay giới cầm quyền ngày nay, sĩ phu ngày xưa hay trí thức ngày nay, và lớp người có địa vị hay giàu có trong xã hội của mọi thời, thường dễ bị ảnh hưởng văn hóa ngoại lai hơn dân gian bình thường. Hiện tượng này có thể được hiểu như sau.

Nói chung, lớp người có học thường bằng lòng, hay tự mãn, về những tri thức mà họ đã hấp thụ từ văn hóa Tàu, hay văn hóa Tây Phương chẳng hạn, do đó, họ khó thoát khỏi các định kiến. Bởi định kiến là nhà tù giam nhốt tinh thần khai phá và sáng tạo, một phần nào đó trong lớp người này, đã bị mất tự do và độc lập, một cách vô thức, trong nếp suy nghĩ của họ. Trong khi đó, dân gian là những con người bình thường, hồn nhiên, với tinh thần phơi phới tự do vì không mang định kiến, từ đó, dân gian là những con người phóng khoáng trong nếp suy nghĩ của họ. Họ có tự do và độc lập để sống, và có tự do để chọn lựa, chấp nhận những gì thích hợp với đời sống của họ, và chống lại những gì mà họ không ưa thích.

Ca dao là ngõ thoát tinh thần của dân gian trong một xã hội nhân trị, đầy dẫy những điều cấm kỵ, những hủ tục, nạn trọng nam khinh nữ, nạn cường hào ác bá . . . Qua ca dao, dân gian đã thể hiện tinh thần tự do phát biểu, và tiếng nói phản kháng, một điều rất ít thấy ở các sĩ phu ngày xưa và trí thức ngày nay. Đó cũng là sự khác biệt rõ rệt giữa ca dao Việt Nam và ca dao Tàu, Kinh Thi. Kinh Thi không có tiếng nói phản kháng, không có óc giễu cợt . . . mà chỉ có những lời dạy dỗ người ta cách sống, sao cho hợp với luân lý phong kiến thời xưa, là phải hết lòng thờ vua, thờ cha, và riêng đàn bà thì còn phải thờ chồng, nghĩa là dạy người ta phải biết *phục tùng và vâng lời*. Ca dao Việt Nam, với tinh thần tự do phát biểu, là *tiếng nói phản kháng* của dân gian, chống lại những hủ tục do vua quan và sĩ phu du nhập từ văn hóa Tàu.

Ca dao Việt Nam phản kháng ý nghĩa vợ chồng được dạy trong Kinh Thi của Tàu.

7624 *Chồng gù anh, vợ gù tôi
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây
Mỗi người một nợ cầm tay
Đời xưa nợ vợ, đời nay nợ chồng.*
Ca dao

Văn hóa Tàu quan niệm tình yêu và hôn nhân là do duyên nợ, hay định mệnh.

7625 *Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không?
Nguyễn Du*

Dân gian Việt Nam bác bỏ duyên phận, và chủ trương yêu nhau một cách tự nhiên.

7626 *Trăm năm trăm tuổi trăm chồng
Yêu ai thì lấy, tơ hồng nào xe!
Ca dao*

7627 *Bắt thang lên đến tận trời
Bắt ông Nguyệt Lão đánh mười cẳng tay
Đánh thôi lại trói vào cây
Hỏi ông Nguyệt Lão nào dây tơ hồng?
Nào dây xe bắc xe đông
Nào dây xe vợ xe chồng người ta?
Ông vụng xe, tôi lấy phải vợ già
Tôi thì đốt cửa đốt nhà ông đi.
Ca dao*

Văn hóa Tàu quan niệm trai gái không được gần nhau (*nam nữ hữu biệt, nam nữ thọ thọ bất thân*).

7628 *Khoan khoan ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái ta là phận trai.
Nguyễn Đình Chiểu*

Ca dao phản kháng quan niệm phản tự nhiên ấy, và cho rằng trai gái thích gần nhau là một nhu cầu tự nhiên của những con người bình thường.

7629 *Ước gì ta ở chung nhà
Ra vào đụng chạm để mà thương nhau.
Ca dao*

7630 *Chiều xanh trái xuống mà ngồi
Em ơi, xích lại gần tôi kẻo buồn!
Ca dao*

7631 *Xa xôi dịch lại cho gần
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ!
Ca dao*

Phong tục Tàu, hay Đông Phương nói chung, khinh rẻ người đàn bà bởi quan niệm trọng nam khinh nữ, chồng chúa vợ tôi. Đàn ông được quyền lấy nhiều vợ; đàn bà chỉ được quyền lấy một chồng. Thậm chí, chồng chết, người vợ góa cũng không được lấy chồng khác, mà phải ở vậy “thờ chồng,” theo quan niệm khắc nghiệt của Tàu về thân phận người đàn bà trong xã hội: *Xuất giá tòng phu; phu tử tòng tử (Con gái đi lấy chồng thì phải phục tòng chồng; chồng chết thì phải phục tòng con trai)*. Đàn bà phải làm việc vất vả, trong khi đàn ông có thể “ăn no lại nằm.” Đây là một hủ tục, chỉ có vua quan, sĩ phu, và lớp người giàu có chịu ảnh hưởng, nhưng dân gian Việt Nam thì giũ cột và chống lại.

7632 *Ba đồng một mớ đàn ông
Dem bỏ vào lòng cho kiến nó tha
Ba trăm một mụ đàn bà
Dem về mà trải chiếu hoa cho ngời.*
Ca dao

7633 *Gái chính chuyên lấy được chín chồng
Về viên bỏ lọ gánh gồng đi chơi
Không may quang đứt lọ rơi
Bò ra lổm ngổm chín nơi chín chồng.*
Ca dao

7634 *Bao nhiêu giá một ông chồng
Thì em cũng bỏ đủ đồng ra mua.*
Ca dao

Dân gian Việt Nam chống lại hủ tục “ở vậy thờ chồng,” cái mà phong tục Tàu gọi là *thủ tiết*; điều đó có nghĩa là, người chồng coi người vợ như một vật sở hữu, như cái nhà, cái cày, con trâu . . .

7635 *Giàu thì thịt cá cơm canh
Khó thì lưng rau dĩa muối cúng anh, tôi đi lấy chồng
Hỡi anh chồng cũ của tôi ơi!
Anh có khôn thiêng, thì xin anh trở dậy ăn xôi nghe kèn
Thôi! Anh đã về nghiệp ấy, xin anh đừng ghen
Để cho người khác cầm quyền thế nhi
Miệng em khóc, tay em bế ẵm cái ông thần vì
Tay em gạt nước mắt, tay em thì thấp nén nhang
Bởi vì đâu mà nên nỗi muôn vàn.*
Ca dao

Chồng chết, người vợ đi lấy chồng khác, là một nhu cầu tự nhiên.

7636 *Hỡi thằng cu bé! Hỡi thằng cu lớn!
Cu tí cu tị cu tì ơi!
Con dậy con ăn con ở với ông
Để mẹ đi lấy chồng kiếm lấy em con.
Ca dao*

Hủ tục nhiều vợ của lớp quan lại và nhà giàu, là một bất công, và xúc phạm đến nhân phẩm của người đàn bà.

7637 *Đêm năm canh năm vợ ngồi hầu
Vợ cả pha nước tằm trầu chàng xơi
Vợ hai trái chiếu chia bài
Vợ ba coi sóc nhà ngoài nhà trong
Vợ tư trái chiếu quạt mừng
Vợ năm thức dậy trong lòng xót xa
Chè thang cháo đậu bưng ra
Chàng xơi một bát kẹo mà công lênh.
Ca dao*

Tuổi thơ đẹp đẽ của người con gái, bị mất đi vì hủ tục cưới gả cho con cái quá sớm, vào khoảng 13-14 tuổi, của những gia đình nhà giàu, ảnh hưởng từ phong tục Tàu.

7638 *Tham giàu em lấy thằng bé tí tì tì
Làng trên xóm dưới thiếu gùi trai tơ
Em đem thân cho thằng bé nó giày vò
Mùa đông tháng giá nó nằm co trong lòng
Cũng đã mang là gái có chồng
Chín đêm trực tiết năm không cả mười
Nói ra sợ chị em cười
Má hồng bỏ quá một đời xuân xanh
Em cũng liều mình vì thằng bé trẻ ranh
Đêm năm sờ mó quần quanh cho đỡ buồn
Buồn mình em lại bế thằng bé nó lên
Nó còn bé mọn đã nên cơm cháo gùi
Nó ngủ nó ngáy tì tì
Một giấc đến sáng còn gùi là xuân
Chị em ơi! Hoa nở mấy lần?
Ca dao*

Dân gian kêu gọi người đàn bà chống lại hủ tục nhiều vợ của quan lại và nhà giàu.

7639 *Đói lòng ăn nắm lá sung
Chồng một thì lấy chồng chung thì đừng.
Ca dao*

7640 *Chớ tham vóc lĩnh trầu hoa
Lấy chồng làm lẽ, người ta dày vò.
Ca dao*

7641 *Gió đưa bụi trúc ngã quỳ
Thương cha nên phải lụy dì, dì ơi!
Ca dao*

Nạn cường hào ác bá, cây quyền cây thế để hiếp đáp dân lành, đã xảy ra trong suốt dòng lịch sử của Việt Nam, cho đến hôm nay, đầu Thế Kỷ 21, cũng vẫn như vậy.

7642 *Em là con gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè
Ông nghè sai lính ra đe
– Trăm lạy ông Nghè tôi đã có con
– Có con thì mặc có con
Thất lạng cho giòn mà lấy chồng quan.
Ca dao*

7643 *Bộ Binh Bộ Hộ Bộ Hình
Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi.
Ca dao*

7644 *Em để đũa con trai
Chẳng biết nó giống ai!
Cái mặt thì giống ông cai
Cái đầu ông xã, cái tai ông trùm.
Ca dao*

7645 *Thuyền than em đậu bến than
Cậu cai bước xuống ôm quàng ngang lưng
Thôi thôi van cậu rằng đừng
Tuổi tôi còn bé chuta từng nguyệt hoa.
Ca dao*

7646 *Con ơi nhớ lấy lời này
Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan.
Ca dao*

4 Ca dao, tiếng nói tự do

Ca dao thoát khỏi khuôn sáo và sự kìm hãm, bởi những điều cấm kỵ của thời kỳ phong kiến. Không chịu ảnh hưởng của văn hóa Tàu, dân gian tỏ ra phóng khoáng trong nếp suy nghĩ.

Trong khi lớp sĩ phu, những người chịu ảnh hưởng nặng nề từ văn hóa Tàu, coi phái tính và tính dục như một điều cần phải kiêng cử, và cấm kỵ trong lời nói, dân gian coi đó là một nhu cầu tự nhiên, trong đời sống bình thường của những con người bình thường. Bởi vậy, dân gian nói đến phái tính và tính dục một cách tự nhiên, kể cả bằng chữ nghĩa văn hoa, và bằng chữ nghĩa trần trụi.

- 7647 *Đêm qua có ngủ xin thề
Phần thì muối đốt phần mê sự tình.*
Ca dao
sự tình = việc phòng the.
- 7648 *Mẹ ơi, con muốn lấy chồng
Con ơi! Mẹ cũng một lòng như con.*
Ca dao
- 7649 *Có chồng càng dễ chơi ngang
Để ra con thiệp con chàng con ai.*
Ca dao
- 7650 *Vắng sao hôm có sao mai
Vắng chàng thiệp đã có trai trong nhà.*
Ca dao
- 7651 *Trời mưa nước chảy qua sân
Em lấy ông lão qua lần mà thôi
Bao giờ ông lão châu trời
Thì em lại lấy một người trai tơ.*
Ca dao
- 7652 *Đêm trăng anh mới hỏi nàng
– Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?
– Đan sàng thiệp cũng xin vâng
Tre vừa đủ lá non chăng hỏi chàng?*
Ca dao

- 7653 *Đêm qua anh nằm nhà ngoài
Để em thở vắn than dài nhà trong
Ước gì anh được vô phòng
Loan ôm lấy phượng phượng bông lấy loan.
Ca dao*
- 7654 *Hỡi cô mặc yếm hoa tâm
Chồng cô đi lính cô nằm với ai?
Cô để thằng bé con trai
Chồng về chồng hỏi: Con ai thế này?
– Con tôi đi kiếm về đây
Có cho nó gọi bằng thầy thì cho.
Ca dao*
- 7655 *Nước chảy láng linh chảy ra Vàm Cú
Thấy đáng em chèo cặp vú muốn hun.
Ca dao*
- 7656 *Của chua ai thấy chả thềm
– Em cho chị mượn chồng em vài ngày
– Chồng em đâu phải trâu cày
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm.
Ca dao*
- 7657 *Vú em chum chúm chũm cau
Cho anh bóp cái có đau anh dền
Vú em chỉ đáng một tiền
Cho anh bóp cái anh dền quan năm.
Ca dao*
- 7658 *Đang khi bếp tắt cơm sôi
Con còn khóc đói chồng đòi tòm tem
Bây giờ bếp đã cháy lên
Cơm đã sắp chín tòm tem thì tòm.
Ca dao*
- 7659 *Thân em như tấm lụa đào
Còn nguyên hay xé vuông nào cho ai?
Ca dao*
- 7660 *Ai về nhấn chị hàng cau
Giặt buồm dấp nước giữ màu cho tươi.
Ca dao*

- 7661 *Chị em rửa nhau tắm đằm*
 – *Cửa em thì trắng chị thâm thế này?*
 – *Chị thâm bởi tại anh mà*
Xưa kia chị cũng hạt trai đỏ lôm.
 Ca dao
- 7662 *Nước nóng đổ lọ bình vôi*
Tôi ngồi tôi nghĩ bố tôi tôi buồn
Bố tôi dở dại dở khôn
Say mê cái lồn bỏ mẹ con tôi.
 Ca dao
- 7663 *Rượu nằm trong nhạo chờ nem*
Anh nằm phòng vắng chờ em một mình.
 Ca dao
- 7664 *Chuột kêu chúc chích trong rương*
Anh đi cho khéo đừng giở đờng mẹ hay.
 Ca dao
- 7665 *Càng già càng dẻo càng dai*
Càng gãy chân chõng càng sai chân giường.
 Ca dao
- 7666 *Áo người mặc đoạn cởi ra*
Chồng người áp mượn, canh ba lại hoàn.
 Ca dao

Dân gian đem nhà nho và nhà sư ra chế giễu, vì chủ trương giiết chết bản năng tính dục của con người, là trái với thiên nhiên, và không tưởng, bởi không thể làm được. Chính những người đưa ra chủ trương ấy, cũng không thoát khỏi sự thôi thúc của bản năng tính dục. Đọc truyện Tàu, người ta thấy có “sư hổ mang”; trong năm 2002, tại Colorado, một thượng tọa Phật Giáo quấy nhiễu tính dục hai cô gái, đã bị tòa xử phạt; báo chí Mỹ cho thấy hàng ngàn vụ bê bối tính dục gây ra bởi các linh mục thuộc Thiên Chúa La Mã, xảy ra trong nhiều năm.

- 7667 *Văn chương chữ nghĩa bẽ bề*
Thần lồn ám ảnh cũng mê mẩn người.
 Ca dao
- 7668 *Thấy cô yếm đỏ răng đen*
Nam mô di Phật nhưng quên mất chùa.
 Ca dao

- 7669 *Ba cô đội gạo lên chùa
 Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
 Sư về sư ốm tương tư
 Ốm lẫn ốm lóc cho sư trọc đầu
 Ai làm cho dạ sư sầu
 Cho ruột sư héo như bầu đứt giây.
 Ca dao*
- 7670 *Sư đang tụng niệm nam mô
 Thấy cô cấp giở mò cua bên chùa
 Lòng sư luống những mơ hồ
 Bỏ kinh bỏ kệ tìm cô hỏi chào
 Ai ngờ cô đi đàng nào
 Tay lần tràng hạt ra vào bấn khoăn . . .
 Ca dao*
- 7671 *Con chim ăn quả bò nu
 Ai làm nên nổi thầy tu đeo xiềng?
 – Thầy tu ăn nói cà riêng
 Em thưa quan cả đóng xiềng thấy tu.
 Ca dao*
- 7672 *Sư đi chùa mớc sân rêu
 Mỡ khuya ai gõ chuông chiều ai khua?
 Vinh hoa là cái trò đùa
 Đã tu không trót lại mua trận cười.
 Ca dao*

Thầy cúng, thầy thiếp, thầy đồng, thầy bói . . . bị dân gian đem ra chế giễu, vì hạng người này chuyên gạt gẫm những người nhẹ dạ dễ tin.

- 7673 *Chập chập rồi lại cheng cheng
 Con gà sống lớn để riêng cho thầy
 Đơm xôi thì đơm cho đầy
 Đơm mà vợ đĩa thì thầy không ưa.
 Ca dao*
- 7674 *Thầy thiếp là thầy thiếp ơi
 Nay chuông mai trống cho tôi động lòng
 Bốn con tôi bỏ cho chồng
 Tôi theo thầy thiếp cực lòng tôi thay!
 Ca dao*

- 7675 *Hòn đất mà biết nói năng
Thì thầy địa lý hàm răng không còn.
Ca dao*
- 7676 *Nhà này có quái trong nhà
Có con chó đực sủa ra đặng mồm.
Ca dao*
- 7677 *Tiền buộc dải yếm bo bo
Dem cho thầy bói thêm lo vào mình.
Ca dao*
- 7678 *Bà cốt đánh trống long bong
Nhảy lên nhảy xuống cái ong đốt đờ*.
Ca dao
* đờ = chỗ kín của đàn bà.*

Thỉnh thoảng, dân gian cũng cho thấy cái nhìn về đời sống của con người, như trong bài ca dao *Thằng Bờm với cái quạt mo*.

- 7679 *Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi một con chim mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi hòn xôi, Bờm cười.
Ca dao*

Hoạt cảnh trên đây, với hai nhân vật thằng Bờm và phú ông, thoạt trông có vẻ như là cuộc nói chuyện giữa hai con người gốc nghèo và khờ dại. Nhìn sâu hơn, bài ca dao cho thấy, hạnh phúc của con người không hẳn là có nhiều tiền của. Phú ông đã có đủ thứ, vậy mà ông chỉ thích cái quạt mo; thằng Bờm không thích những thứ quý giá của phú ông, và nó chỉ thích nhận hòn xôi: nó đang đói.

Khát vọng muôn đời của con người là: ai thích và thiếu thốn cái gì thì đi tìm cái đó. Và đó chính là hạnh phúc.

5
Ca dao,
và ngôn ngữ trữ tình

Đặc biệt, ca dao nói nhiều nhất về đời sống lứa đôi và tình yêu trai gái. Bởi đó, tác giả Nguyễn Văn Ngọc đã đặt tên cho quyển sách của ông, là *Tục ngữ phong dao*, thay vì *Tục ngữ ca dao*. Phong giao có nghĩa là ca dao nói về tình yêu.

Ca dao cho thấy dân gian Việt Nam sống hồn nhiên cho tình yêu. Họ chế giễu và chống lại nếp sống phản tự nhiên, và những hủ tục do lớp vua quan và sĩ phu du nhập từ văn hóa Tàu. Âm điệu lục bát, ngôn ngữ ẩn tượng, cộng với cái nhìn rất hồn nhiên về tình yêu, tất cả đã mang lại tính chất nên thơ và trữ tình cho ca dao Việt Nam.

- 7680 *Thương nhau cởi áo cho nhau*
Về nhà mẹ hỏi – Qua cầu gió bay!
Ca dao
- 7681 *Trèo lên cây bưởi hái hoa*
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay.
Ca dao
- 7682 *Ra về để áo lại đây*
Để khuya em đắp gió tây lạnh lùng.
Ca dao
- 7683 *Đố ai quét sạch lá rừng*
Để tôi khuyen gió gió đừng rung cây
Rung cây rung cối rung cành
Rung sao cho chuyển lòng anh với nàng.
Ca dao
- 7684 *Sáng trăng trải chiếu hai hàng*
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.
Ca dao
- 7685 *Đôi ta như lửa mới nhen*
Như trăng mới mọc như đèn mới khêu..
Ca dao

- 7686 *Gối chần gối chiếu không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.
Ca dao*
- 7687 *Ai về cho thiệp về theo
Ngó trông trông rậm ngó đèo đèo cao.
Ca dao*
- 7688 *Ước gì sông rộng một gang
Bắt cầu dải yếm để chàng sang chơi.
Ca dao*
- 7689 *Cô kia đứng ở bên sông
Muốn sang anh ngã cành hồng cho sang.
Ca dao*
- 7690 *Anh buồn có chốn thở than
Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya.
Ca dao*
- 7691 *Anh còn son em cũng còn son
Ước gì ta được làm con một nhà.
Ca dao*
- 7692 *Ai về đường ấy hôm mai
Gửi dăm điều nhớ gửi vài điều thương
Gửi cho đến chiếu đến giường
Gửi cho đến chốn buồng hương em nằm.
Ca dao*
- 7693 *Còn đêm nay nữa mai đi
Lạng vàng không tiếc, tiếc khi ngời kê.
Ca dao*
- 7694 *Cô kia áo trắng lòà lòà
Lại đây đắp đất trồng cà với anh
Bao giờ cà chín cà xanh
Anh cho một quả để dành mớm con.
Ca dao*
- 7695 *Rượu ngon cái cặn cũng ngon
Thương em chẳng luận chồng con mấy đời.
Ca dao*

- 7696 Ước gì anh hóa ra hoa
 Để em nâng lấy rồi mà cài khăn
 Ước gì anh hóa ra chăn
 Để cho em đắp em lăn em nằm
 Ước gì anh hóa ra gương
 Để cho em cứ ngày thường em soi
 Ước gì em hóa ra cơ
 Để cho em đựng cau tươi trâu vàng.
 Ca dao
- 7697 Ai làm cho bướm lia hoa
 Cho chim xanh nở bay qua vườn hồng?
 Ai đi muôn dặm non sông
 Để ai chất chứa sầu đong vơi đầy!
 Ca dao
- 7698 Người sao một hẹn thì nên
 Người sao chín hẹn thì quên cả mười!
 Ca dao
- 7699 Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ
 Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu
 Anh về học lấy chữ nhu
 Chín trăng em đợi mười thu em chờ.
 Ca dao
- 76.100 Rồi mùa rạ tốt rơm khô
 Bạn về xứ bạn biết mô mà tìm!
 Ca dao
- 76.101 Qua cầu ngã nón trông cầu
 Cầu bao nhiêu nhịp dạ sầu bấy nhiêu.
 Ca dao
- 76.102 Dừng chèo muốn ngộ tâm tình
 Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu.
 Ca dao
- 76.103 Chưa quen đi lại cho quen
 Tuy rằng cửa đóng mà then không cài.
 Ca dao

- 76.104 *Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng*
Cau xanh ăn với trâu vàng xứng chăng?
– Trâu vàng nhá lẫn cau xanh
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời!
 Ca dao
- 76.105 *Hỡi cô thắt dải lưng xanh*
Ngày ngày thấp thoáng bên màn chờ ai?
 Ca dao
- 76.106 *Hỡi cô gánh củ đường vòng*
Vai anh không gánh nhưng lòng anh đau.
 Ca dao
- 76.107 *Ngày đi trúc chữa mọt măng*
Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre
Ngày đi lúa chữa chia về
Ngày về lúa đã đổ hoe ngoài đồng
Ngày đi em chữa có chồng
Ngày về em đã con bông con mang.
 Ca dao
- 76.108 *Anh đi đường ấy xa xa*
Để em ôm bóng trắng tà năm canh.
 Ca dao
- 76.109 *Ai đi đâu đấy hỡi ai*
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm?
 Ca dao
- 76.110 *Tiếc thay cái đọi bịt vàng*
Dem ra đong cám lỗ làng duyên em.
 Ca dao
- 76.111 *Lênh đênh chiếc lá giữa dòng*
Thương thân góa phụ phòng không lỗ thì
Gió đưa cây trúc ngã quỳ
Ba năm trực tiết còn gì là xuân!
 Ca dao
- 76.112 *Dốc bỏ thương kẻ ăn đong*
Vắng chồng thương kẻ nằm không một mình.
 Ca dao

6
Ca dao,
và không gian cư ngụ

Ngày xưa, đường đi lại khó khăn; dân gian Việt Nam chỉ sống quanh quẩn trong làng, và ít khi rời khỏi lũy tre làng. Dân gian coi ngôi làng là không gian cư ngụ thân yêu và gắn bó với họ suốt đời. Bởi vậy, ca dao chứa đựng đầy tình cảm và tư tưởng của dân gian, gắn liền với hình ảnh không gian cư ngụ của họ. Có thể nói, không gian cư ngụ luôn luôn phảng phất trong tiếng nói của dân gian, là ca dao.

Gắn nhứt với họ, là những đồ dùng bên mình: cái áo cái quần, cái yếm cái khăn, cái giường cái lược, cái nón cái ô, cái quạt, cái giường cái chiếu cái chăn . . .

- 76.113 *Ra về để áo lại đây*
Để khuya em đắp gió tây lạnh lưng.
Ca dao
- 76.114 *Thương nhau cởi áo cho nhau*
Về nhà mẹ hỏi – Qua cầu gió bay!
Ca dao
- 76.115 *Ai đi đường đắp một mình*
Phất phơ chéo áo giống hình phu quân.
Ca dao
- 76.116 *Tháng Tám có chiếu vua ra*
Cấm quần không đậy người ta hãi hùng!
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải lột quần chồng sao đang!
Ca dao
- 76.117 *Áo xông hương của chàng vắt mắc*
Đêm em nằm em đắp lấy hơi
Gửi khăn gửi túi gửi lời
Gửi đôi chàng mạng cho người đang xa.
Ca dao
- 76.118 *Đẹp chi cái áo vải song*
Đẹp chi con gái lộn chồng mà thương.
Ca dao

- 76.119 *Trời mưa lác đác ruộng dâu*
Cái nón đội đầu cái thúng cắp tay
Bước chân xuống hái dâu này
Nuôi tâm cho lớn mong ngày ươm tơ
Thương em chút phận ngầy thơ
Lâm than đã trải nắng mưa đã từng
Xa xôi ai có tỏ chùng
Gian nan tâm khổ ta đừng quên nhau.
 Ca dao
- 76.120 *Em về anh mượn khăn tay*
Gói câu tình nghĩa lâu ngày sợ quên.
 Ca dao
- 76.121 *Ai đi đường ấy hôm mai*
Gởi dăm điều nhớ gởi vài điều thương
Gởi cho đến chiếu đến giường
Gởi cho đến chốn buồng hương em nằm.
 Ca dao
- 76.122 *Cái quạt mười tám cái nang*
Ổ giữa phát giấy hai nang hai đầu
Quạt này anh để che đầu
Đêm đêm đi ngủ chung nhau quạt này
Ước gì chung mẹ chung thầy
Để em giữ cái quạt này làm thân
Rồi ra chung gối chung chăn
Chung quần chung áo chung khăn đội đầu.
 Ca dao
- 76.123 *Chuột kêu chúc chích trong rương*
Anh đi cho khéo đừng giường mẹ hay.
 Ca dao
- 76.124 *Có trâu có vò không vôi*
Có chăn có chiếu không người nằm chung.
 Ca dao
- 76.125 *Có ai thêm bận vì ai*
Không ai giường rộng chiếu dài dễ xoay.
 Ca dao

76.126 *Hôm kia anh đến chơi nhà
Thấy mẹ nằm võng thấy cha nằm giường
Thấy em nằm đất anh thương
Anh ra kẻ chợ đóng giường tám thang
Bốn góc thì anh thép vàng
Bốn chân thép bạc tám thang chạm rồng
Bây giờ phải bỏ giường không
Em đi lấy chồng phí cả công anh.
Ca dao*

76.127 *Đêm qua nằm ngủ sập vàng
Trông xuống sập bạc thấy chàng nằm không
Vội vàng cởi áo đắp chung
Tỉnh ra em vẫn nằm không một mình.
Ca dao*

76.128 *Ai về đặng ấy đặng này
Để đêm em nhớ để ngày em thương
Yêu nhau đi nhớ về thương
Em về cái chốn buồn hương anh nằm
Thấy chiếu mà chẳng thấy chăn
Thấy chỗ anh nằm chẳng thấy anh đâu!
Ca dao*

76.129 *Yêu nhau chẳng lọ chiếu giường
Dẫu rằng tàu lá che sương cũng tình.
Ca dao*

76.130 *Đêm nằm lưng chẳng tới giường
Trông mau tới sáng ra đường gặp em.
Ca dao*

76.131 *Thà rằng chiếu lác có đôi
Còn hơn chăn gói lẻ loi một mình.
Ca dao*

Kế đến, là những đồ dùng trong nhà, như ngọn đèn dầu, bếp lửa, củi than, nồi cơm, chén bát, cối giã gạo, cái nia cái sàng . . .

76.132 *Đi ngang thấy ngọn đèn chong
Thấy em nhỏ nhỏ muốn bông mà ru.
Ca dao*

76.133 *Rủ nhau lên núi đốt than*
Anh trèo Tam Điệp em mang nón giành
Củ than nhem nhuộm với tình
Ghi lời vàng đá xin mình chớ quên.
 Ca dao

76.134 *Giả ơn cái cối cái chày*
Nửa đêm gà gáy có mây có tao
Giả ơn cái cọc cầu ao
Nửa đêm gà gáy có tao có mây.
 Ca dao

76.135 *Đêm khuya thắp chút dầu dư*
Tim lang cháy lụn sâu tư một mình.
 Ca dao

76.136 *Bao giờ cho gạo bén sàng*
Cho trăng bén gió cho nàng bén anh.
 Ca dao

76.137 *Ra đường bà nọ bà kia*
Về nhà không khỏi cái nia cái sàng.
 Ca dao

76.138 *Mình nói dối ta mình hãy còn son*
Ta đi qua ngõ thấy con mình bò
Con mình những trấu cùng tro
Ta đi xách nước rửa cho con mình.
 Ca dao

76.139 *Em đang vút nếp nấu xôi*
Nghe anh có vợ thúng trôi nếp chìm.
 Ca dao

Xa hơn nữa, là cái giếng, cái cầu, đình làng với tre trúc ong bướm, đồng ruộng với trâu bò, con cò con vạc . . .

Đặc biệt, hầu như làng nào cũng có cái đình. Đình làng là nơi:

- tưởng nhớ những người có công với dân tộc, đất nước, hay địa phương;
- cúng kỳ yên hằng năm;
- dân làng họp mặt để vui chơi vào những ngày lễ hội trong năm;
- các gánh hát (thường là hát bội) về làng diễn cho dân gian vui chơi.

Đình làng Việt Nam không thờ *thần quyền*, tức không thờ các giáo chủ của bất kỳ tôn giáo nào, mà chỉ thờ *những con người thật*, tức các nhân vật lịch sử có công giúp đỡ dân làng trong cuộc sống của họ, hoặc có công đánh đuổi giặc ngoại xâm để giữ gìn đất nước. Việc thờ cúng ở đình làng mang ý nghĩa nhân bản: bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn của dân gian đối với người xưa có công với địa phương và đất nước. Nghi lễ tại các đình làng là một tập tục chỉ mang tính chất văn hóa, và *không có ý nghĩa tôn giáo*. Là những kiến trúc nhỏ bé, đơn sơ, thường núp dưới bóng các cây già, và mở rộng, nghĩa là không có hàng rào, và không có cửa đóng then cài (khác với cái chùa và nhà thờ), **đình làng là hình ảnh của tinh thần nhân bản, của văn hóa Việt Nam.**

76.140 *Trúc xinh trúc mọc đầu đình*

Em xinh em đứng một mình cũng xinh.

Ca dao

76.141 *Cây đa lá rụng đầy đình*

Bao nhiêu lá rụng thương mình bấy nhiêu.

Ca dao

76.142 *Hôm qua tát nước đầu đình*

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà?

Áo anh sứt chỉ đường tà

Vợ anh chuta có mẹ già chuta khâu

Áo anh sứt chỉ đã lâu

Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng

Khâu rồi anh sẽ trả công

Đến khi có chồng anh lại giúp cho

Giúp em một thúng xôi vò

Một con lợn béo một vò rượu tăm

Giúp cho đôi chiếu em nằm

Đôi chân em đắp đôi trằm em đeo

Giúp em quan tám tiền cheo

Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.

Ca dao

76.143 *Anh như táo rụng sân đình*

Em như gái rở đi rình của chua.

Ca dao

76.144 *Đôi ta đứng trước sân đình*

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

Ca dao

- 76.145 *Cóc chết lại có minh tinh*
Thất nghiệp năm đình có trống cầm canh.
 Ca dao
 Đình làng luôn luôn mở rộng cho tất cả mọi người, kể cả: các cậu bé chăn trâu, người thất nghiệp, người ăn xin, người bơ vơ không cửa không nhà . . .
- 76.146 *Trâu ơi ta bảo trâu này*
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn việc nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.
 Ca dao
- 76.147 *Cô đi đường này với ta*
Trồng đậu đậu tốt trồng cà cà sai
Cô đi đường ấy với ai
Trồng bông bông héo trồng khoai khoai hà.
 Ca dao
- 76.148 *Đôi ta như ruộng năm sào*
Cách bờ ở giữa làm sao cho liền?
 Ca dao
- 76.149 *Đôi ta như lúa đồng đồng*
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.
 Ca dao
- 76.150 *Công anh đắp đập be bờ*
Để ai quấy đó mang lờ đến nơm!
 Ca dao
- 76.151 *Cái cò là cái cò quăm*
Mày hay đánh vợ mày nằm với ai?
 Ca dao
- 76.152 *Một đàn cò trắng bay quanh*
Cho loan nhớ phượng cho anh nhớ nàng.
 Ca dao
- 76.153 *Công anh chẵn nghé đã lâu*
Bây giờ nghé đã thành trâu ai cày!
 Ca dao

76.154 *Thương nhau chẳng quản xa gần
Cầu không tay vịn cũng lần mà sang.
Ca dao*

76.155 *Đêm qua trăng lặn về tây
Sự tình kẻ đấy người đây còn dài
Trúc với mai, mai về trúc nhớ
Trúc trở về mai nhớ trúc không?
Bây giờ kẻ bắc người đông
Kể sao cho xiết tấm lòng tương tư.
Ca dao*

Xa hơn nữa, là cây đa đầu làng, bến nước con đò, mây gió trăng sao . . .

76.156 *Thuyền ơi có nhớ bến chăng?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.
Ca dao*

76.157 *Cây đa bạc cũ lở rồi
Đò đưa bến khác bạn ngời chờ ai?
Ca dao*

76.158 *Chẳng dạm thì thuyền chẳng đi
Dạm ra ván nát thuyền thì long danh
Đôi ta lên thác xuống ghềnh
Anh ra đứng mũi cho anh chịu sào.
Ca dao*

76.159 *Lênh đênh một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước gửi mình về đâu?
Ca dao*

76.160 – *Thuyền ngược hay là thuyền xuôi
Thuyền về Nam Định cho tôi ghé nhờ?
– Con gái chỉ nói ỡm ờ
Thuyền anh chật chội còn nhờ làm sao!
Miệng nói tay bẻ lái vào
– Rửa chân cho sạch bước vào trong khoang!
Thuyền dọc anh trái chiếu ngang
Anh thì nằm giữa hai nạng hai bên.
Ca dao*

- 76.161 *Muốn sang nhưng ngại vắng thuyền
Muốn về bên nó nhưng duyên lỡ rồi!
Ca dao*
- 76.162 *Dừng chèo muốn tỏ tấm tình
Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu.
Ca dao*
- 76.163 *Ai về đường ấy mấy dò
Mấy câu mấy quán anh cho mượn tiền?
Ước gì quan đắp đường liền
Kẻo ta đi lại tốn tiền dò ngang
Em về dọn quán bán hàng
Để anh là khách qua đàng trú chân
Ca dao*
- 76.164 *Bóng trăng em ngỡ bóng đèn
Bóng cây em tưởng bóng thuyền anh sang.
Ca dao*
- 76.165 *Trăm năm đành lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò khác đò.
Ca dao*
- 76.166 *Gọi đò chẳng thấy đò sang
Phải chăng bến cũ phụ phàng khách xưa?
Ca dao*
- 76.167 *Tới đây thủ phận đò đưa đò
Trước đò quan khách sau đò ý em.
Ca dao*
- 76.168 *Ấy ai giăng mối tơ màn
Cho thuyền quen bến cho anh quen nàng.
Ca dao*
- 76.169 *Đêm khuya ra đứng bờ ao
Trông cá cá lặn trông sao sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?
Ca dao*

7 Ca dao mang nặng linh hồn của dân tộc Việt Nam

Sách viết về lịch sử của dân tộc Việt Nam, thông thường, chỉ ghi lại các triều đại, theo thứ tự thời gian. Sách lịch sử chỉ viết về vua chúa, và gần như không viết gì về đời sống của dân gian. Tương tự như vậy, sách viết về văn học sử Việt Nam cũng thường bỏ quên ca dao, là cốt lõi của Văn Học Dân Gian, có lẽ vì đó là văn học truyền miệng, hoặc có lẽ vì người viết cho rằng, đó là văn học của “đám bình dân,” không đáng để ý như Văn Học Bác Học.

Sĩ phu ngày xưa, và một ít trong lớp người có học hôm nay, có thể thuộc lòng Kinh Thi của Tàu, nhưng gần như không biết sự có mặt của ca dao Việt Nam. Vậy, thử nhìn Kinh Thi của Tàu, và ca dao Việt Nam.

Kinh Thi là một hình thức ca dao của Tàu, do Khổng Tử chọn lựa, và chỉ lấy 300 bài phù hợp với triết lý chánh trị và luân lý của mình. Sách Luận Ngữ ghi lại lời Khổng Tử, có câu: “*Thi tam bách, nhứt ngôn dĩ tế chi: tư vô tà.*” (*Kinh Thi có 300 bài, có thể thu tóm trong một lời: không nghĩ bậy.*) “Không nghĩ bậy,” phải được hiểu là, *không nghĩ trái với cái triết lý chánh trị và luân lý của Khổng Tử*. Triết lý chánh trị của Khổng Tử đề cao quyền hành tuyệt đối của vua (quân quyền), của người cha (phụ quyền), và của người đàn ông (nam quyền), nói chung. Người ta thấy sự đề cao ba quyền ấy, trong những lời sau đây, gọi là *tam cương*, tức ba giềng mối:

- *quân sử thân tử thân bất tử bất trung*
(vua khiến bầy tôi chết, bầy tôi không chết là không trung);
- *phụ sử tử vong tử bất vong bất hiếu*
(cha bảo con chết, con không chết là không hiếu);
- *tại gia tòng phụ xuất giá tòng phu phu tử tòng tử*
(con gái ở nhà thì nghe theo cha; đi lấy chồng thì nghe theo chồng; chồng chết thì nghe theo con trai).

Hệ thống chánh trị của Khổng Tử cho phép *con người có quyền sở hữu con người*: vua sở hữu muôn dân; người chồng sở hữu người vợ; người cha sở hữu con cái. Khổng Tử mở đường cho chế độ *nhân trị (dùng người trị người)* ⁽¹⁾ kéo dài trong nhiều ngàn năm, mãi đến tận hôm nay, đầu Thế Kỷ 21. Cá nhân không có chỗ đứng; đời sống tình cảm của cá nhân bị chi phối và kiểm soát bởi gia đình và gia tộc. Bởi vậy, trong *Kinh Thi*, người ta ít thấy tình cảm và bản năng của con người, được bộc lộ một cách hồn nhiên và tự do, như trong ca dao Việt Nam.

Ghi chú (1)

Trong hạng từ *nhân trị*, chữ *nhân*, theo Tiếng Hán, có nghĩa là *lòng thương người*. Đó chỉ là một cách nói, để ru ngủ muôn dân, và để che đậy lòng tham vô độ của những kẻ cai trị, là vua quan. Ai có thể bảo đảm rằng, những kẻ nắm quyền cai trị, đều là những người có lòng thương người? Lịch sử cho thấy, bởi coi muôn dân là sở hữu của họ, nên vua quan có quyền sống xa hoa, và có quyền tham tàn bạo ngược đối với muôn dân. Vứt đi tính chất che đậy của chữ *nhân*, người ta có thể gọi đúng thực tế của lịch sử: *nhân trị*, theo hệ thống chính trị và luân lý của Khổng Tử, không có nghĩa gì khác hơn là *dùng người trị người*.

Bản tính tự nhiên của con người, là *lòng tham* và *óc tư hữu*. Đã gọi là bản tính tự nhiên, lòng tham và óc tư hữu của con người, không thể xóa bỏ được. Vậy, con người phải chấp nhận nó. Các nhà kinh tế học Âu Mỹ đã nhận ra rằng, *kinh tế là để thỏa mãn Cái Muốn, chứ không phải Cái Cần, của con người*. Vấn đề là, ai cũng có lòng tham và óc tư hữu, nhưng con người lại phải sống trong một thế giới khan hiếm tài nguyên. Từ đó, sanh ra cảnh con người tranh giành với nhau, đâm đạp lên nhau, hủy diệt lẫn nhau, mạnh được yếu thua . . . Để tránh cái bi thảm của cuộc tranh giành hỗn loạn, và cảnh *con người có quyền sở hữu con người* (như chế độ quân chủ, chế độ nô lệ, và chế độ cộng sản), ngày nay, khoảng một nửa con người trên Trái Đất đã vứt bỏ chế độ *nhân trị*, để chuyển sang chế độ *pháp trị*.

Khác với con vật, con người là một sinh vật có ý thức. Để cho, trong cuộc tranh giành, con người vẫn có thể sống tương đối tử tế với nhau, tránh bớt cảnh chà đạp và hủy diệt lẫn nhau, con người đã đặt ra các quy ước xã hội giữa họ với nhau: *xóa bỏ quyền người trị người*, bằng cách:

- *không cho phép quyền lực nằm trong tay một nhóm người duy nhất;*
- *quyền lực được phân chia ra cho nhiều nhóm người, được xã hội bầu lên để thay mặt cho họ, trong từng thời gian ngắn.*

Phân chia quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp, và tự do ngôn luận) là nằm trong nguyên tắc **“quyền lực ngăn ngừa quyền lực,”** mà các nước Âu Mỹ đã và đang áp dụng. Đó là tinh thần và ý nghĩa của **pháp trị**. Trong xã hội pháp trị, con người được quyền tự do chọn lựa, và tự do cạnh tranh (không phải tranh giành), nhằm thỏa mãn lòng tham và óc tư hữu, xuôi theo tự nhiên, mà không thể xâm phạm nhân quyền và tự do của người khác. Trong xã hội pháp trị, với những quy ước xã hội của nó, dựa vào nguyên tắc *quyền lực ngăn ngừa quyền lực*, con người có thể sống chung với nhau tương đối bình đẳng, tử tế, và bình yên, mà vẫn giữ được tự do cá nhân, và con người được quyền thể hiện lòng tham và óc tư hữu – một hiện tượng tự nhiên của con người – trong khuôn khổ của luật pháp, tức là những quy ước xã hội giữa con người với nhau.

Lòng tham và óc tư hữu, nếu được thể hiện một cách chánh đáng, là động lực làm cho xã hội của con người tiến hóa, phát triển, và vượt lên theo thời gian. Con vật không có ý thức và lòng tham, nên đời sống của loài vật mãi mãi là như thế, nghĩa là không bao giờ thay đổi để tiến hóa.

Chế độ nhân trị kiểu cũ (chế độ quân chủ, và chế độ nô lệ), theo Khổng Tử, làm cho các xã hội Đông Nam Á không phát triển được trong nhiều ngàn năm. Ngày nay, chế độ nhân trị kiểu mới (chế độ cộng sản), theo Karl Marx, tàn bạo hơn, và *phản khoa học*, vì nó gom tất cả quyền lực và tài nguyên vào trong tay một nhóm người duy nhất, là đảng cộng sản: *phủ nhận quyền tư hữu của con người*, chẳng khác nào nói rằng, *một viên đá ném ra, không được rơi xuống đất*.

Trong khi Kinh Thi thuộc Văn Học Bác Học của Tàu, ca dao là Văn Học Dân Gian của Việt Nam.

Ca dao bao gồm những bài thơ rải rác trong dân gian, được làm bởi dân gian không tên tuổi, liên tục suốt dòng lịch sử của dân tộc Việt Nam, hầu hết nói về *đời sống lứa đôi và tình yêu trai gái*; và, ca dao chỉ được lưu giữ bằng truyền miệng. Kinh Thi bao gồm *những lời dạy dỗ* người ta cách sống, sao cho đúng với hệ thống chánh trị và luân lý của Khổng Tử. Ca dao là biểu lộ tự do của một nếp sống, là cái nhìn tự do về đời sống, là tiếng nói phản kháng và giễu cợt những gù mà dân gian không ưa thích, là tiếng nói hồn nhiên, trữ tình, và lãng mạn, của tình yêu trai gái và đời sống lứa đôi, vượt qua đầy đầy những điều cấm kỵ của thời phong kiến.

Người ta có thể gọi Kinh Thi là một *cuốn sách giáo khoa*, được chọn lựa và sắp xếp bởi Khổng Tử, nhằm mục đích chánh trị và luân lý rõ rệt, trong khi người ta có thể coi ca dao là một *hình thức nguyên thủy của báo chí tự do*, được làm nên bởi dân gian không tên tuổi. Một cuốn sách giáo khoa sẽ lỗi thời trong một thời gian, ngắn hay dài; ca dao thì vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử, vì ca dao ghi lại nếp sống, nếp suy nghĩ tự do, phong tục và tập quán của dân gian Việt Nam, qua các thời kỳ của lịch sử.

Qua ca dao, người ta có thể nhận ra cái khác biệt, mang tính chất nhân bản rất lớn, giữa văn hóa Việt và văn hóa Tàu: chẳng hạn, trong khi văn hóa Tàu *trọng nam khinh nữ*, văn hóa Việt thì không.

Ca dao còn cho thấy cái nhìn *nhân bản (lấy con người làm gốc)*, của dân tộc Việt Nam. Nhân bản ngược lại với *thần quyền*, là nguyên nhân dẫn đến cuồng tín. Lịch sử của con người trên Trái Đất, từ xa xưa đến hôm nay, cho thấy, đầu óc thần quyền, cộng với cuồng tín, đã và đang làm cho con người chảy máu, và sống trong đau đớn quần oại.

Ca dao nói nhiều nhất về *cái đình* – không phải *cái chùa* và *nhà thờ* – như một hình ảnh thân yêu của dân gian, tượng trưng cho tinh thần nhân bản: cái đình không phải là nơi thờ *thần quyền*; cái đình là nơi thờ và tưởng nhớ những *con người thật*, những người có công với đất nước và dân tộc.

Ca dao, ngoài giá trị văn chương, còn là một pho sử liệu vô giá về lịch sử xã hội của Việt Nam. Ca dao làm thành Văn Học Dân Gian, và Văn Học Dân Gian là cốt lõi của Văn Học Việt Nam, trong khi Văn Học Bác Học cổ điển gần như là một phó sản của văn học và văn hóa Tàu.

Ca dao mang nặng linh hồn của dân tộc Việt Nam.

8

Ca dao, dòng văn học tự do, hơi thở của dân tộc Việt Nam

Thông thường, khi đã có chữ viết thì văn chương truyền miệng – cốt lõi là ca dao – chấm dứt vai trò của nó. Tuy nhiên, người ta thấy, ca dao vẫn tiếp tục được sáng tác bởi dân gian thầm lặng.

Từ lúc có Văn Học Chữ Quốc Ngữ, tình yêu trai gái và đời sống lứa đôi được viết nhiều trong thơ văn. Từ đó, người ta nhận thấy ca dao hôm nay gần như không còn đề tài này, mà nói về tình hình đất nước, một đất nước đầy đau thương và chia lìa, chuyển từ 100 năm đô hộ của Thực Dân Da Trắng, sang hơn 50 năm đô hộ của Thực Dân Da Vàng, tức tập đoàn thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Hãy nghe ca dao nói về hành động của Cộng Sản Việt Nam, lén lút cất đất cho Tàu, như một cách khom lưng và cúi đầu trước “đàn anh,” để giữ vững thế lực của họ, trong cuộc thống trị 80 triệu dân Việt Nam.

76.170 Hoan hô Cộng Sản Việt Nam

Cuối đời bán cả giang san nước nhà

Bản Giốc cao đẹp của ta

Nay còn đâu nữa để mà ngắm trông.

Quốc hội một lũ ù lỳ

Nhưng còn bia miệng sẽ ghi muôn đời.

Ca dao mới

Ai cũng biết, chủ nghĩa cộng sản không có gì khác hơn là, để ra một chế độ độc quyền tuyệt đối: độc quyền đất đai và tài nguyên, độc quyền kinh tế, độc quyền chính trị, độc quyền tư tưởng . . . Dĩ nhiên, tiếng nói của người dân, là tự do ngôn luận, không có trong chế độ cộng sản. Để giữ độc quyền tư tưởng, Cộng Sản bưng bít thông tin, và “quản lý tư tưởng” của từng người dân. Dưới chế độ cộng sản, người dân trở trụ, và sống đời sống của bầy cừu.

Các con cừu còn được chạy nhảy trên cánh đồng cỏ; người dân Việt Nam bị giam nhốt trong nhà tù lớn, là đất nước của mình. Ngay trên quê hương của mình, người dân không có quyền tự do đi lại: phải “xin phép tạm trú tạm vắng.” Ngay trên quê hương của mình, người dân không có quyền tự do cư trú: chuyển chỗ ở, tức “chuyển hộ khẩu,” đối với người dân thường, là một việc khó như đội đá vá trời. Ngay trên quê hương của mình, nhiều triệu người dân không có “hộ khẩu,” là những người dân lậu. Nhiều triệu dân lậu này sanh ra hàng triệu trẻ con, không được Thực Dân Da Vàng cấp khai sanh, tạo ra một thế hệ dân lậu mới.

Bởi tên họ của trẻ con không được viết trên giấy, chúng trở thành những *con người truyền miệng* . . . Văn chương truyền miệng là kho tàng vô giá của văn học Việt Nam; *con người truyền miệng* là, và sẽ là, vết thương ngàn năm còn mưng mủ, của dân tộc Việt Nam hôm nay, dưới ách thống trị của Thực Dân Da Vàng.

Hơn 3 triệu Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất, có thể nghe tiếng thở dài, từ nhà tù vĩ đại, đang giam nhốt 80 triệu đồng bào của mình:

76.171 *Trăm năm trong cõi người ta*
Ở đâu cũng được đi ra đi vào
Xa xôi như xứ Bồ Đào
Người ta cũng được đi vào đi ra
Đen đũi như Ăng-Gô-La
Người ta cũng được đi ra đi vào
Chậm tiến như ở Nước Lào
Người ta cũng được đi vào đi ra
Chỉ riêng có ở nước ta
Người ta không được đi ra đi vào.
 Ca dao mới

Tại Việt Nam hiện nay, một vài nhà văn nhà thơ phản kháng, thuộc lớp người trẻ, chỉ có thể đưa tác phẩm của họ, bị cấm in trong nước, lên Internet trên các trang nhà ở ngoài đất nước Việt Nam. Nếu không có Internet, toàn thể con người trên Trái Đất đã không có cơ hội nhìn thấy hình ảnh Phiên Tòa Bịt Miệng của Thực Dân Da Vàng. Trong tình cảnh hiện nay, số đông dân gian chỉ còn ca dao, là phương tiện giản dị nhất, để dùng như, và tự do như, để cất lên tiếng nói của mình. Bao lâu dân tộc Việt Nam còn đau thương, còn chia lìa, và còn sống trong *nhà tù vĩ đại*, có thể nói,

Ca dao, dòng văn học tự do, là hơi thở của dân tộc Việt Nam.

Ca dao vẫn tiếp tục hiện hữu, song song với văn học thành văn, bởi, cho đến hôm nay, Thế Kỷ 21, ca dao vẫn là *tiếng nói tự do duy nhất* của Văn Học Việt Nam.

Rất tiếc, chúng tôi không thể trở về thăm quê cha đất tổ, để có thể đi tìm lại đầy đủ, khá nhiều ca dao mới trong dân gian, tức hơi thở của đồng bào, trong vòng hơn 30 năm trở lại đây, và ghi lại trong cuốn sách này.

Lớp Người Việt thế hệ thứ nhất, lang thang trên khắp Trái Đất hôm nay, rồi sẽ trở về với cát bụi, nhưng hơi thở của dân tộc Việt Nam sẽ còn đọng lại mãi trên quê hương. Bây giờ không ghi lại được, thế hệ sau sẽ ghi lại, trong văn học sử và trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, *những trang đen*, của một thời kỳ lịch sử.

9 Ca Dao, và Lời Ru của Người Mẹ Việt Nam

Văn Học Dân Gian, đứa con hoang của Văn Học Việt Nam

Tại Miền Nam Việt Nam trước năm 1975, trong chương trình văn học sử ở các trường trung học, chỉ có mặt Văn Học Bác Học nhưng không có mặt Văn Học Dân Gian, mà ca dao là linh hồn của nền văn học ấy. Có thể nói, một phân nửa văn học của dân tộc Việt Nam đã bị lãng quên, không phải bởi dân gian, mà bởi những người có trách nhiệm soạn thảo chương trình giáo dục. Hiện tượng này có thể được hiểu như sau.

- *Lý do trước hết, là định kiến: phải là văn học thành văn của Văn Học Bác Học, thì mới được công nhận, còn văn chương truyền miệng của Văn Học Dân Gian, thì không;*
- *Lý do thứ hai, là thói quen, cũng là một hình thức của định kiến: quen cái nhìn một phương, nên không thấy bốn phương, và quen nhìn một màu, nên không thấy muôn màu.*

Bởi văn học nghệ thuật là muôn màu muôn vẻ, cho nhu cầu thưởng ngoạn muôn màu muôn vẻ của con người, việc sắp hạng các nền văn học, hay sắp hạng các văn nghệ sĩ, là không có nghĩa.

Người ta thấy, hầu hết các tác giả viết về xã hội và văn hóa Việt Nam, từ trước đến nay, thường tham khảo đủ thứ sách Tây sách Tàu, nhưng bỏ quên ca dao Việt Nam.

Văn Học Chữ Hán không có gì khác hơn là một phó sản của Văn Học Tàu. Văn Học Chữ Nôm, với những tác phẩm đặc sắc nở rộ từ lúc có Chữ Nôm, là buổi bình minh của Văn Học Việt Nam. Văn Học Dân Gian, có từ xa xưa, và không chịu ảnh hưởng của văn hóa Tàu, mới đích thực là linh hồn của Văn Học Việt Nam, là hơi thở của dân tộc Việt Nam.

Văn Học Dân Gian, gia tài đích thực và vô giá ấy của Người Việt, từ ngày xưa cho đến hôm nay, chỉ đứng bên lề của Văn Học Việt Nam. Lớp người có học của Việt Nam, các sĩ phu ngày xưa và trí thức ngày nay, gần như không có ai thật sự quan tâm nghiên cứu, phổ biến, và giữ gìn tài sản văn hóa ấy của dân tộc.

Có thể nói, cho đến hôm nay, đầu Thế Kỷ 21, Văn Học Dân Gian vẫn còn là một đứa con hoang của Văn Học Việt Nam.

Chuyện bên lề

Ở Mỹ, trong khoảng những năm từ 1960 đến 1980, có một hình thức hội họa, được gọi là *Graffiti Art*. Đó là *Nghệ Thuật Đường Phố*, hay *Nghệ Thuật Dân Gian*.

Đầu tiên, là những dòng chữ hay hình vẽ lên tường, ở những nơi công cộng tại Chicago và New York, và người ta gọi là “vẽ bậy.” Phong trào này, sau đó, đã lan mạnh. Không còn là viết hay “vẽ bậy” nữa, mà là những dòng chữ hay hình vẽ chứa đựng tiếng nói của nó: chống kỳ thị chủng tộc.

Hai họa sĩ nổi bật trong giai đoạn sau cùng của Nghệ Thuật Đường Phố, nhưng vẽ tại nhà, là Keith Haring (1958-1990), và Michel Basquiat (1960-1988).

Sau đó, vì bọn xã hội đen lợi dụng Graffiti để làm phương tiện thông tin với nhau, Graffiti đã bị cấm năm 1995, dưới thời Thị Trưởng New York Rudolph Giuliani.

Có mặt trong thời gian 20 năm ngắn ngủi, rồi tắt lịm, Graffiti vẫn có một số tác phẩm được trưng bày tại Brooklyn Museum. Và, Graffiti được dạy trong các lớp Fine Art tại các đại học Mỹ.

Không có chữ viết, Người Việt vẫn có nhu cầu nghệ thuật, nên, có thể nói, ca dao đã có mặt trong nhiều ngàn năm, từ lúc có dân tộc Việt Nam. Trong *Tục ngữ phong dao*, tác giả Nguyễn Văn Ngọc đã tìm lại được một số khá nhiều ca dao, nhưng không phải là xưa lắm. Có thể số ca dao bị mất theo thời gian, là một con số rất lớn.

Từ lâu, ở trong nước, người ta đào bới các di chỉ khảo cổ, để tìm lại những đồ vật của thời xa xưa. Đồ vật, nằm dưới lòng đất, có thể tìm lại được. Bởi ca dao không phải là đồ vật, nên ca dao của thời xa xưa, vì không có chữ viết để ghi lại, đã mất hẳn.

Graffiti chỉ có mặt trong thời gian rất ngắn, Người Mỹ vẫn ghi lại, lưu giữ các tác phẩm trong viện bảo tàng, và dạy ở đại học. Ca dao có mặt trong nhiều ngàn năm, vậy mà, vào thuở Hán Nôm, người ta không thấy có sĩ phu nào có ý nghĩ lưu giữ tài sản văn học vô giá ấy của dân tộc Việt Nam. Và, nếu không có chữ quốc ngữ, và không có một Nguyễn Văn Ngọc, có lẽ tài sản văn học ấy ngày nay không còn được bao nhiêu.

Những ai đi thăm Văn Miếu tại Hà Nội, nhìn những bia đá ghi tên các tiến sĩ thời xưa, có cảm thấy trong lòng mênh mông một nỗi buồn?

**Những con người lẻ loi và thâm lặng,
đang phổ biến và lưu giữ
tài sản văn hóa đích thực của Việt Nam**

Đã hơn 30 năm định cư tại Mỹ, hôm nay, tại California, Người Việt đã có khá nhiều phương tiện truyền thông và giải trí: báo chí, phát thanh, truyền hình, các trung tâm sản xuất ca nhạc . . . Riêng các trung tâm ca nhạc, không có người chủ nào nghĩ đến việc dùng các phương tiện mới nhất của kỹ thuật, để phổ biến và lưu giữ tài sản vô giá của Văn Học Dân Gian, và Văn Học Chữ Nôm. Tiếng Việt, linh hồn, và hơi thở Việt Nam, nằm trong các tác phẩm của hai nền văn học này.

Trong khi lớp người có học nói chung, và những người chủ của các trung tâm ca nhạc, nói riêng, không có ai quan tâm để phổ biến, và giữ gìn, tài sản đích thực của văn hóa Việt Nam, người ta thấy, lẻ tẻ ở đâu đó trên Trái Đất, có những con người lẻ loi, đang cố gắng và âm thầm làm việc này, chỉ với những phương tiện eo hẹp của họ:

- *Tôn Nữ Lệ Ba, một giọng ngâm thơ quý hiếm, đã cho người ta thưởng thức thơ Nguyễn Du. Bởi đây chỉ là một đóng góp thâm lặng, có lẽ không có bao nhiêu người đã có dịp thưởng thức một ít thơ Nguyễn Du, thuộc Văn Học Chữ Nôm, qua cách diễn ngâm tài hoa của nàng.*
- *Hương Thanh, một nghệ sĩ dân ca Việt Nam, mới đây, bằng giọng ca độc đáo, đã cất tiếng hát dân ca của Ba Miền Việt Nam, trong nền nhạc Jazz, giữa thủ đô Paris của Nước Pháp. Hát dân ca Việt Nam, trong nền nhạc Jazz, là một ý nghĩ đầy sáng tạo của Hương Thanh và nhóm bạn bè của nàng, để đưa dân ca Việt Nam đến gần các dân tộc khác. Trong cuộc phỏng vấn của RFI (Radio France Internationale), Hương Thanh cho biết có thể sẽ có CD ghi lại tiếng hát dân ca của nàng, trong năm 2009.*
- *Phạm Đức Thành, một nghệ sĩ nhạc cổ truyền, với cây đàn bầu, là loại đàn một dây độc đáo của Việt Nam, và bằng ngón đàn tài hoa của chàng, đã phổ biến và lưu giữ 12 bản nhạc dân ca cổ truyền của Việt Nam, trong một CD. Chỉ bằng một dây, đàn bầu được coi là tiếng đàn mê hoặc lòng người:*

“Làm thân con gái, chớ nghe đàn bầu.”

**Ca dao,
và tuổi thơ Việt Nam lang thang trên Trái Đất**

Có thể nói, những ai còn nhớ ít nhiều ca dao, là bởi, từ thuở nằm nôi, họ đã được nghe ca dao từ lời ru của người mẹ. Vậy, tại sao Người Việt không dùng ca dao, và dân ca, để dịu tuổi thơ Việt Nam lang thang trên Trái Đất, vào tình yêu tiếng mẹ đẻ? Từ đó, lớn lên, chúng sẽ biết yêu Tiếng Việt, và biết rõ, ở đâu là quê cha đất tổ của chúng,

“Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời . . .”

Ghi lại

tác dụng của ca dao, và lời ru của người mẹ

Tại Thành Phố Boulder, Colorado, một cặp vợ chồng trẻ Người Mỹ, cả hai đều đi làm, đã nhờ một người đàn bà Việt Nam, ở gần nhà, giữ giùm đứa con còn nằm nôi, chưa biết nói, của họ.

Như một thói quen của các bà mẹ Việt Nam, người đàn bà ru đứa trẻ ngủ bằng ca dao Việt Nam. Một thời gian sau, người mẹ Mỹ không thể dỗ cho đứa con ngủ vào buổi tối: nó cứ khóc hoài, và không chịu ngủ. Cuối cùng, hai vợ chồng Người Mỹ phải mượn người đàn bà Việt Nam ở luôn tại nhà họ, để giữ đứa trẻ. Khi hai vợ chồng Người Mỹ cần đi chơi xa, họ cũng cho người đàn bà này đi theo, để giữ con cho họ, vì đứa trẻ đã quen nghe ca dao Việt Nam, và lời ru của người đàn bà giữ nó.

Sau đó, người mẹ Mỹ đã tìm một Người Việt thông thạo Tiếng Anh, và nói ra thắc mắc của mình, là không biết người đàn bà Việt Nam này đã hát những gì, để ru ngủ đứa con của họ một cách dễ dàng.

Sống tại các nước Âu Mỹ, ép buộc con cái làm theo ý muốn của cha mẹ – như ép con phải đi học Tiếng Việt, chẳng hạn, trong khi chúng không muốn – là một việc không thích hợp, nếu không muốn nói là, một việc không nên làm. Con cái có tự do chọn lựa trong đời sống của chúng. Để tuổi thơ Việt Nam còn nhớ cội nguồn, cha mẹ có thể dịu tuổi thơ vào tình yêu tiếng mẹ đẻ, từ lúc nằm nôi, bằng ca dao, và lời ru của người mẹ. Từ đó, lớn lên, chúng sẽ thích học Tiếng Việt, mà không cần lời khuyên, hay ép buộc của cha mẹ.

Những người mẹ trẻ Việt Nam, lang thang ở đâu đó trên Trái Đất, vì sinh kế, mệt mỏi và không có thời gian ru con ngủ, hãy để cho giọng ngâm thơ và ca dao ngọt ngào của Tôn Nữ Lệ Ba, và tiếng hát dân ca xa vắng mênh mông của Hương Thanh, và tiếng đàn bầu mê hoặc lòng người của Phạm Đức Thành, sẽ dịu tuổi thơ vào giấc ngủ. Vẳng tiếng mẹ đẻ du dương, thở hơi thở văn hóa dân tộc, tuổi thơ sẽ ngủ những giấc nồng, như đang ngủ trên quê hương Việt Nam.

Lưu lạc những nơi xa xôi nào đó trên khắp Trái Đất, những người mẹ trẻ Việt Nam, bằng ca dao, và lời ru của người mẹ, có thể mang quê hương đến gần tuổi thơ.

H ậ n g t ừ c h ố t – key terms/ termes clé

1	ấn tượng	impressionism, impressionist <i>impressionnisme, impressionniste</i>
2	ca dao	folk poetry <i>poésie populaire, chanson populaire</i>
3	cấm kỵ	taboo <i>tabou</i>
4	che đậy	allusion, allusive <i>allusion, allusif, ive</i>
5	điển tích	classical references <i>références classiques</i>
6	không gian cư ngụ	dwelling environment <i>milieu d'habitation</i>
7	ngôn ngữ từ thân xác	body-related language <i>langage relatif au corps humain</i>
8	nhân bản	humanistic <i>humaniste</i>
9	coi như con người	personification <i>personnification</i>
10	phái tính	sex, gender <i>sexe, genre</i>
11	phản kháng	revolt, rebellion, to resist <i>révolte, rébellion, résister à</i>
12	phó sản	by-product <i>sous-produit</i>
13	tả chân	realism, realistic <i>réalisme, réaliste</i>
14	tiếng lái	spoonerism <i>contrepèterie</i>
15	tiếng lóng	slang <i>argot</i>
16	tính dục	sexuality <i>sexualité</i>
17	tự do phát biểu	freedom of expression <i>liberté d'expression</i>
18	thuần Việt	purely Vietnamese <i>purement vietnamien</i>
19	trữ tình	lyric, lyrical <i>lyrique</i>
20	văn hóa ngoại lai	foreign culture <i>culture étrangère</i>
21	văn học bác học	erudite literature <i>littérature érudite</i>

22	văn học dân gian	folk literature <i>littérature populaire</i>
23	văn học thành văn	written literature <i>littérature écrite</i>
24	văn chương truyền miệng	oral literature <i>littérature orale</i>